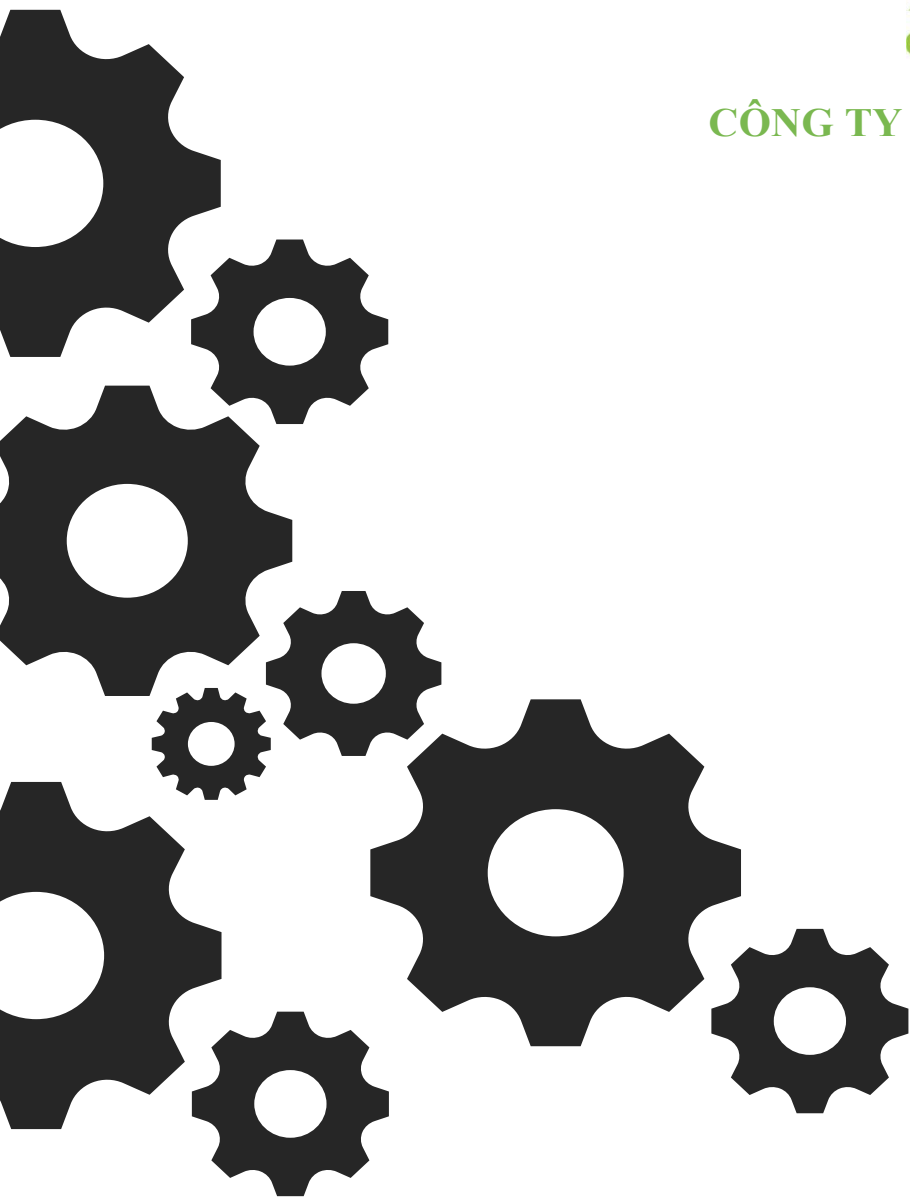




QUỐC BẢO CO., LTD

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG
QUỐC BẢO



CATALOGUE

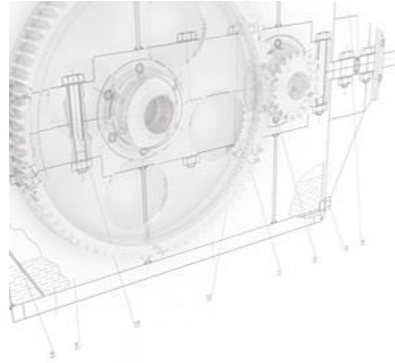
THIẾT BỊ CƠ KHÍ MÔI TRƯỜNG

2019 - 2021

GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty TNHH Cơ Khí Môi Trường Quốc Bảo là một trong những đơn vị chuyên về môi trường và cơ khí chế tạo. Sản phẩm chính Chúng tôi cung cấp bao gồm:

- Máy ép bùn trục vít;
- Máy ép bùn băng tải;
- Máy ép bùn khung bản
- Thiết bị tuyển nổi siêu nông DAF;
- Cầu quay gạt bùn;
- Lược rác tĩnh;
- Lược rác trống quay;
- Bồn tạo áp;
- Bồn lọc áp lực;
- Thiết bị phản ứng siêu tốc
- Bể lắng đáy côn;
- Lưới tam giác, ống lọc giếng khoan, dầu mỡ, ...
- Gia công cắt CNC, nhận vận chuyển.
- Dịch vụ cho thuê máy ép bùn dài hạn.



Ngoài ra Chúng tôi còn nhận gia công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải, các công trình cơ khí dân dụng, gia công tủ điện, cắt CNC, nhận vận chuyển, cung cấp lưới tam giác, ống/tấm lưới lọc, ống lọc giếng khoan...

Với phương châm: “**Uy tín – Tiết kiệm – Hiệu quả**” cùng với đội ngũ nhân viên năng động, nhiệt tình, chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm, Công ty Quốc Bảo sẵn sàng làm hài lòng Quý khách hàng bằng những sản phẩm chất lượng của mình.

Quý khách hàng muốn biết thêm chi tiết về các sản phẩm và dịch vụ của Chúng tôi cung cấp, vui lòng liên hệ theo thông tin:

Công ty TNHH Cơ Khí Môi Trường Quốc Bảo

Địa chỉ: 122/2 đường TL41, phường Thạnh Lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Email: quocbaomoitruongvn@gmail.com

Website: www.moitruongquocbao.com

Điện thoại: 038 48 48 188 – 0932 764 656

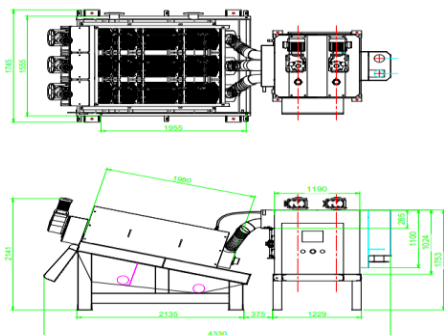
Công ty Quốc Bảo mong muốn là đối tác góp một phần vào sự thành công và phát triển của Quý khách hàng. Vì vậy, Chúng tôi rất mong hai bên được có cơ hội hợp tác cùng nhau.

GIÁM ĐỐC

MÁY ÉP BÙN TRỰC VÍT

Trân trọng kính chào!

Hãng sản xuất: QBVN



THÔNG SỐ CÔNG SUẤT MÁY ÉP BÙN

Stt	Model	Công suất max (m³/h)	Số trục	Vật liệu	Kích thước (mm)			Khối lượng (kg)
					L	W	H	
I. 100% Inox								
1	QBV-111	0,5	1	Sus 304	1.961	866	1.072	240
	QBV-112	1	2	Sus 304	1.961	997	1.072	310
2	QBV-141	1	1	Sus 304	2.831	941	1.549	250
3	QBV-142	2	2	Sus 304	3.029	1.040	1.443	500
4	QBV-201	2	1	Sus 304	3.206	1.060	1.498	400
5	QBV-202	4	2	Sus 304	3.260	1.305	1.498	1.400
6	QBV-203	6	3	Sus 304	3.615	1.961	1.748	2.200
7	QBV-221	3	1	Sus 304	3.550	1.053	1.548	800
8	QBV-222	6	2	Sus 304	3.550	1.441	1.748	1.600
9	QBV-223	9	2	Sus 304	3.931	1.961	1.735	1.800
10	QBV-261	4	1	Sus 304	3.660	1.060	1.784	1.200
11	QBV-262	8	2	Sus 304	3.990	1.441	1.748	2.200
12	QBV-263	12	3	Sus 304	3.990	1.961	1.748	2.500
13	QBV-301	5	1	Sus 304	3.861	1.060	2.141	1.600
14	QBV-302	10	2	Sus 304	4.330	1.680	2.141	3.200
15	QBV-351	6	1	Sus 304	4.373	1.060	2.241	1.750
16	QBV-352	12	2	Sus 304	4.970	1.680	2.241	2.300
17	QBV-381	7	1	Sus 304	5.510	1.160	2.245	2.050
18	QBV-382	14	2	Sus 304	5.705	1.685	2.245	3.850
II. 50% HDPE								
1	QBV-141	1	1	Sus 304 + Nhựa	3.440	952	1.548	200
2	QBV-142	2	2	Sus 304 + Nhựa	3.510	1.260	1.548	400
3	QBV-171	2	1	Sus 304 + Nhựa	3.833	1.031	1.549	360
4	QBV-172	4	2	Sus 304 + Nhựa	3.945	1.441	2.141	920
5	QBV-173	6	3	Sus 304 + Nhựa	4.330	1.961	2.141	1.700
6	QBV-211	3	1	Sus 304 + Nhựa	3.833	1.031	1.549	920
7	QBV-212	6	2	Sus 304 + Nhựa	3.985	1.441	2.141	1.000
8	QBV-213	9	3	Sus 304 + Nhựa	4.330	1.961	2.141	1.700
9	QBV-251	4	1	Sus 304 + Nhựa	4.000	1.125	2.167	800
10	QBV-252	8	2	Sus 304 + Nhựa	4.385	1.441	2.167	1.600
11	QBV-253	12	3	Sus 304 + Nhựa	4.385	1.961	2.167	1.800

MÁY ÉP BÙN TRỤC VÍT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY ÉP BÙN

Stt	Model	Motor (KW)	Motor khuấy (KW)	Áp suất bơm rửa	Lưu lượng nước rửa (lít/giờ)	Thời gian rửa
1	QBV-110	0,37	0,37	> 2 kg/cm ²	25	10 phút/ngày
2	QBV-141	0,55	0,37		43	
3	QBV-142	0,55	0,37		86	
4	QBV-171/201	0,75	0,37		58	
5	QBV-172/202	0,75	0,37		116	
6	QBV-211/221	0,75	0,37		93	
7	QBV-212/222	0,75	0,37		168	
8	QBV-203/223	0,75	0,37		279	
9	QBV-251/261	1,1	0,37		186	
10	QBV-252/262	1,1	0,75		252	
11	QBV-263	1,1	0,75		353	
12	QBV-301	1,5	0,75		279	
13	QBV-302	1,5	0,75		279	
15	QBV-351	1,5	0,75		150	
16	QBV-352	1,5	0,75		300	
17	QBV-381	2,0	0,75		115	
18	QBV-382	2,0	0,75		230	

Stt	Model	Số trục	Kích thước trục D x L (mm)	Vật liệu	Nồng độ bùn (%)		
					1%	3%	5%
I. 100% Inox							
1	QBV-110	1	110 x 700	Sus 304	0,5	0,25	0,13
2	QBV-141	1	148 x 1.180	Sus 304	1	0,5	0,25
3	QBV-142	2	148 x 1.180	Sus 304	2	1	0,5
4	QBV-201	1	200 x 1.480	Sus 304	2	1	0,5
5	QBV-202	2	200 x 1.480	Sus 304	4	2	1
6	QBV-203	3	200 x 1.480	Sus 304	6	3	1,5
7	QBV-221	1	228 x 1.680	Sus 304	3	1,5	0,75
8	QBV-222	2	228 x 1.680	Sus 304	6	3	1,5
9	QBV-223	3	228 x 1.680	Sus 304	9	4,5	2,25
10	QBV-261	1	266 x 1.840	Sus 304	4	2	1
11	QBV-262	2	266 x 1.840	Sus 304	8	4	2
12	QBV-263	3	266 x 1.840	Sus 304	12	6	3
13	QBV-301	1	300 x 2.000	Sus 304	5	2,5	1,25
14	QBV-302	2	300 x 2.000	Sus 304	10	5	2,5
15	QBV-351	1	355 x 2.480	Sus 304	6	3	1,5
16	QBV-352	2	355 x 2.480	Sus 304	12	6	3
17	QBV-381	1	388 x 3.080	Sus 304	7	3,5	1,75
18	QBV-382	2	388 x 3.080	Sus 304	14	7	3,5
II. 50% HDPE							
1	QBV-141	1	148 x 1.680	Sus 304 + nhựa HDPE	1	0,5	0,25
2	QBV-142	2	148 x 1.680	Sus 304 + nhựa HDPE	2	1	0,5
3	QBV-171	1	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	2	1	0,5
4	QBV-172	2	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	4	2	1
5	QBV-173	3	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	6	2,5	1,25

MÁY ÉP BÙN TRỰC VÍT

THÔNG SỐ LỰA CHỌN MOTOR

Stt	Model	Motor (KW)	Motor khuấy (KW)	Áp suất bơm rửa	Lưu lượng nước rửa (lít/giờ)	Thời gian rửa
1	QBV-110	0,37	0,37	> 2 kg/cm ²	25	10 phút/ngày
2	QBV-141	0,55	0,37		43	
3	QBV-142	0,55	0,37		86	
4	QBV-171/201	0,75	0,37		58	
5	QBV-172/202	0,75	0,37		116	
6	QBV-211/221	0,75	0,37		93	
7	QBV-212/222	0,75	0,37		168	
8	QBV-203/223	0,75	0,37		279	
9	QBV-251/261	1,1	0,37		186	
10	QBV-252/262	1,1	0,75		252	
11	QBV-263	1,1	0,75		353	
12	QBV-301	1,5	0,75		279	
13	QBV-302	1,5	0,75		279	
15	QBV-351	1,5	0,75		150	
16	QBV-352	1,5	0,75		300	
17	QBV-381	2,0	0,75		115	
18	QBV-382	2,0	0,75		230	

THÔNG SỐ CÔNG SUẤT MÁY ÉP BÙN

Stt	Model	Số trục	Kích thước trục D x L (mm)	Vật liệu	Nồng độ bùn (%)		
					1%	3%	5%
III. 100% Inox							
1	QBV-110	1	110 x 700	Sus 304	0,5	0,25	0,13
2	QBV-141	1	148 x 1.180	Sus 304	1	0,5	0,25
3	QBV-142	2	148 x 1.180	Sus 304	2	1	0,5
4	QBV-201	1	200 x 1.480	Sus 304	2	1	0,5
5	QBV-202	2	200 x 1.480	Sus 304	4	2	1
6	QBV-203	3	200 x 1.480	Sus 304	6	3	1,5
7	QBV-221	1	228 x 1.680	Sus 304	3	1,5	0,75
8	QBV-222	2	228 x 1.680	Sus 304	6	3	1,5
9	QBV-223	3	228 x 1.680	Sus 304	9	4,5	2,25
10	QBV-261	1	266 x 1.840	Sus 304	4	2	1
11	QBV-262	2	266 x 1.840	Sus 304	8	4	2
12	QBV-263	3	266 x 1.840	Sus 304	12	6	3
13	QBV-301	1	300 x 2.000	Sus 304	5	2,5	1,25
14	QBV-302	2	300 x 2.000	Sus 304	10	5	2,5
15	QBV-351	1	355 x 2.480	Sus 304	6	3	1,5
16	QBV-352	2	355 x 2.480	Sus 304	12	6	3
17	QBV-381	1	388 x 3.080	Sus 304	7	3,5	1,75
18	QBV-382	2	388 x 3.080	Sus 304	14	7	3,5
IV. 50% HDPE							
1	QBV-141	1	148 x 1.680	Sus 304 + nhựa HDPE	1	0,5	0,25
2	QBV-142	2	148 x 1.680	Sus 304 + nhựa HDPE	2	1	0,5
3	QBV-171	1	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	2	1	0,5
4	QBV-172	2	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	4	2	1
5	QBV-173	3	170 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	6	2,5	1,25
6	QBV-211	1	210 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	3	1,5	0,75
7	QBV-212	2	210 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	6	2,5	1,25
8	QBV-213	3	210 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	9	4,5	2,25
9	QBV-251	1	250 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	4	2	1
10	QBV-252	2	250 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	8	3	1,5
11	QBV-253	3	250 x 1.980	Sus 304 + nhựa HDPE	12	6	3

ỨNG DỤNG:

MÁY ÉP Bùn TRỰC VÍT

- Trong lĩnh vực xử lý môi trường như: ép rác thải, ép bùn thải vi sinh, bùn thải hóa học, bùn ao nuôi thủy sản...
- Trong lĩnh vực chế biến phế phẩm thủy sản như ép vỏ tôm, ép phế phẩm nhà máy chế biến cá...
- Trong lĩnh vực chế biến dầu thực vật như ép dầu đậu phộng, dầu dừa, vắt nước cốt dừa...
- Trong lĩnh vực chế biến thực phẩm như ép quả thơm, ép mía...
- Trong lĩnh vực dệt nhuộm, ép bùn thải từ các ngành may mặc, dệt nhuộm...
- Trong lĩnh vực sản xuất chế biến thực phẩm làm tăng hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải...

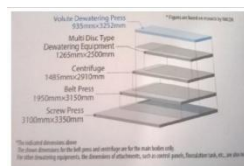


THÔNG SỐ ỨNG DỤNG

Loại bùn thải	Hàm lượng bùn (%)	Tỉ lệ kết bông (%)	Năng suất ép (Kg-ds/H.m)	Độ ẩm bã (%)	Lượng Polymer (kg/dry.ton)
Bùn đô thị	2,0 ÷ 5,0	0,3 ÷ 1,0	150 ÷ 300	56 ÷ 78	0,9 ÷ 2,7
Công rãnh	3,0 ÷ 5,0	0,5 ÷ 0,8	200 ÷ 400	65 ÷ 80	1,0 ÷ 3,0
Giết mổ	1,0 ÷ 4,0	0,5 ÷ 1,0	110 ÷ 260	70 ÷ 80	2,7 ÷ 6,3
Thuộc da	3,0 ÷ 5,0	0,3 ÷ 0,8	100 ÷ 300	75 ÷ 82	4,0 ÷ 9,2
Dệt nhuộm	1,5 ÷ 2,5	0,4 ÷ 1,0	100 ÷ 250	75 ÷ 81	3,6 ÷ 8,1
Sản xuất giấy	2,0 ÷ 5,0	0,2 ÷ 0,4	150 ÷ 600	56 ÷ 70	3,1 ÷ 6,8
Đá granite – Gạch men	20 ÷ 40	0,1 ÷ 0,2	800 ÷ 1000	20 ÷ 35	8,0 ÷ 16
Chế biến thủy sản	1,0 ÷ 2,2	0,3 ÷ 0,6	120 ÷ 200	78 ÷ 85	1,2 ÷ 4,5
Chế biến thực phẩm	1,0 ÷ 2,0	0,4 ÷ 0,8	80 ÷ 140	75 ÷ 85	0,9 ÷ 3,0
Chế biến cao su	1,5 ÷ 3,5	0,1 ÷ 0,3	110 ÷ 260	75 ÷ 84	3,0 ÷ 5,5
Khu CN tập trung	1,0 ÷ 3,0	0,4 ÷ 1,0	100 ÷ 250	70 ÷ 84	2,7 ÷ 4,5

ƯU ĐIỂM:

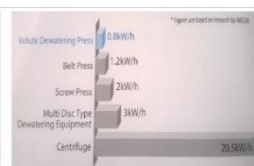
- Khử được nước khi nồng độ bùn thấp;
- Không cần chất làm đặc (phụ gia);
- Tự động vận hành trong 24h;
- Diện tích nhỏ;
- Hầu như không phát ra tiếng ồn và mùi;
- Điện năng tiêu thụ và chi phí vận hành thấp;
- Vận hành, bảo trì dễ dàng;
- Không làm tắc, nghẽn bùn khi vận hành với loại bùn có mỡ, dầu và sợi.



Về mặt diện tích, thiết bị có kích thước nhỏ gọn, có thể lắp ráp ở những vị trí mà thiết bị khác không lắp ráp được



Lượng nước rã nhờ hệ thống vòi phun được điều chỉnh tự động




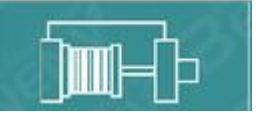


Tiết kiệm lượng điện tiêu thụ



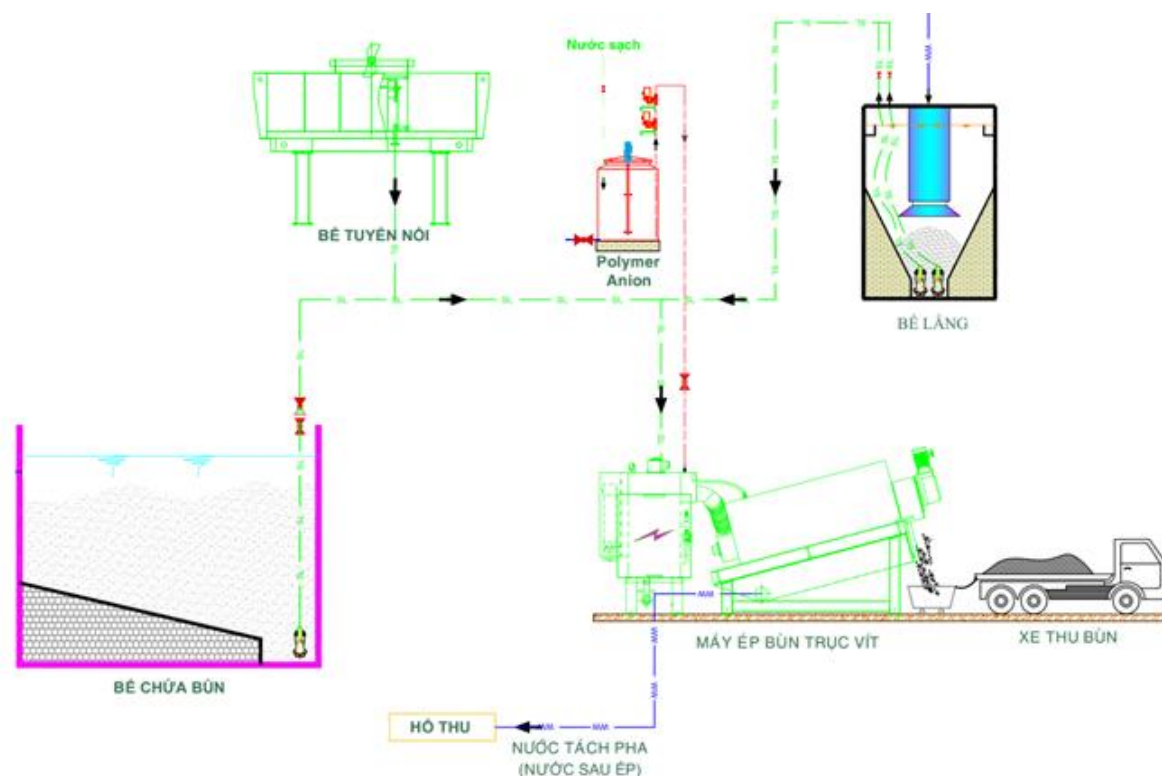
Thiết kế chắc chắn nên không gây ra tiếng ồn và rung bất thường

MÁY ÉP Bùn TRỤC VÍT

Bảng so sánh máy ép bùn trục vít là những loại máy ép bùn khác:

				
	Máy ép bùn trục vít	Máy ép bùn khung bản	Máy ép bùn băng tải	Máy ép bùn li tâm
Sự khử nước của bùn nồng độ thấp	✓	X	X	X
Không cần chất làm đặc	✓	X	X	X
Tự động vận hành trong 24 h	✓	X	X	X
Diện tích	▲	▲▲▲	▲▲▲	▲▲
Điện năng tiêu thụ	▲	▲▲▲	▲▲▲	▲▲▲▲
Vận hành	▲	▲▲▲	▲▲	▲
Tiếng ồn	▲	▲▲▲	▲▲	▲▲▲▲
Bảo trì	▲	▲▲	▲▲▲	▲▲▲
Chi phí vận hành	▲	▲▲▲	▲▲▲	▲▲▲▲

SƠ ĐỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÓ SỬ DỤNG MÁY ÉP Bùn

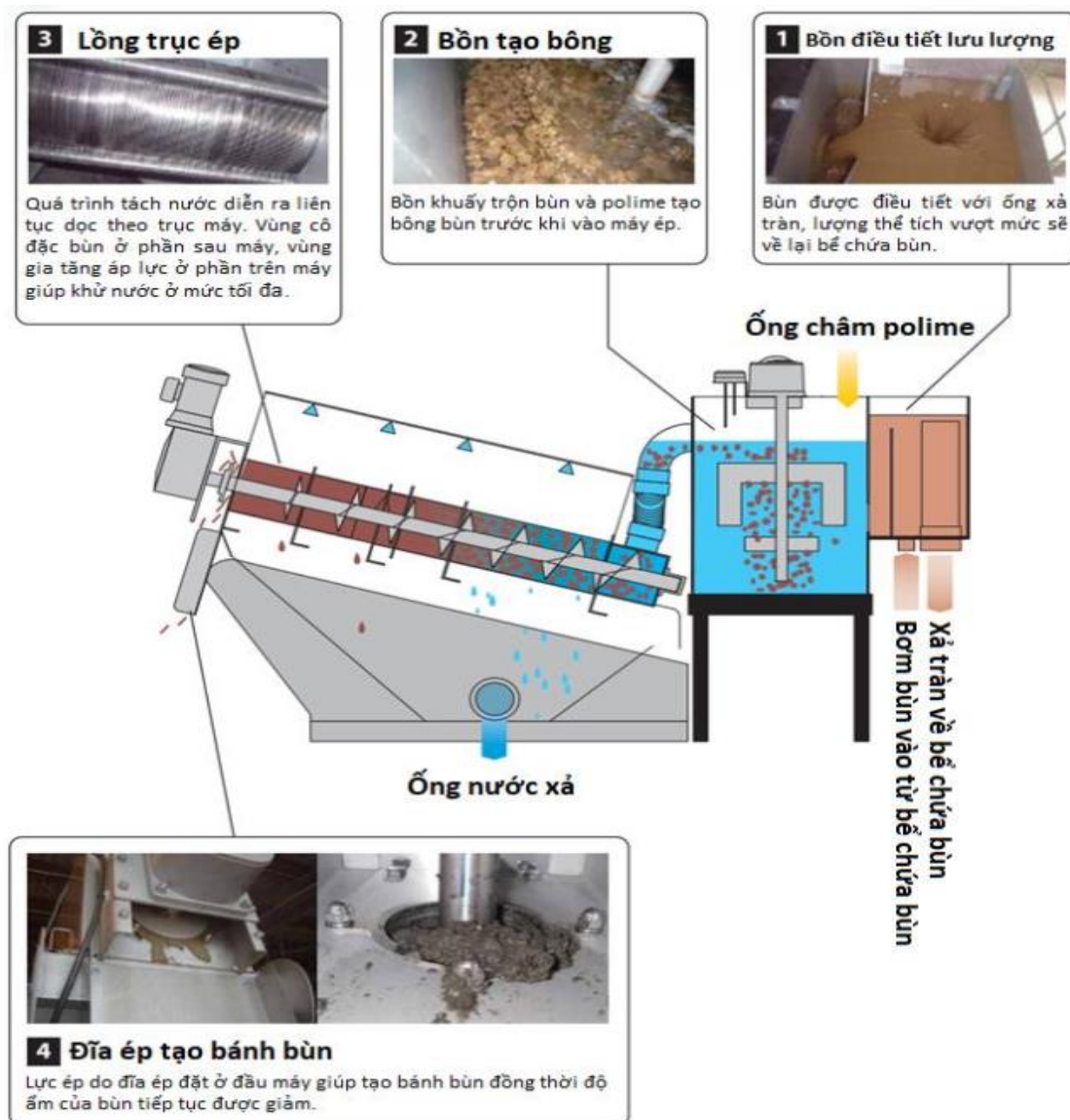


- Bùn từ bể chứa bùn, bể tuyển nổi, bể lắng sẽ được bơm trực tiếp vào bể keo tụ tạo bông. Ở bể keo tụ tạo bông sẽ có đường ống xả tràn dẫn ngược về bể chứa bùn để đảm bảo an toàn.

MÁY ÉP Bùn TRỰC VÍT

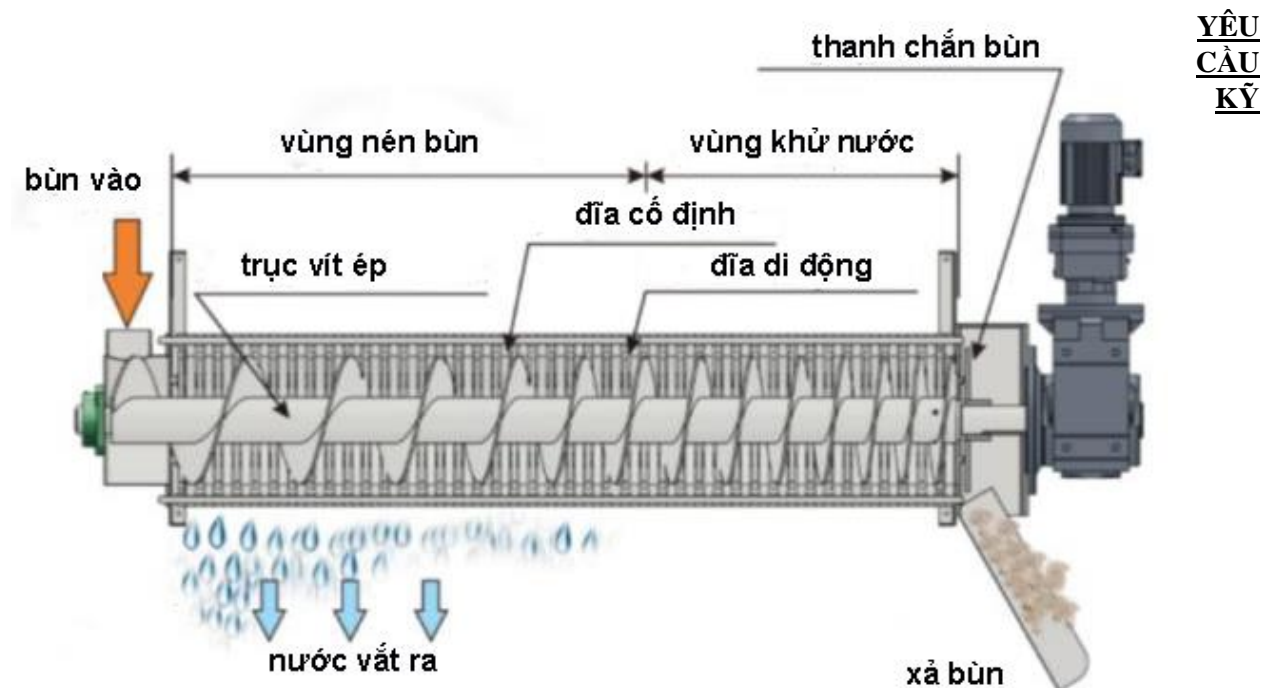
- Hóa chất polymer anion sẽ được pha bằng thùng chứa đựng. Ở đây sẽ được gắn motor khuấy khóa chất và bơm định lượng.
- Bơm định lượng sẽ bơm hóa chất sau khi pha trực tiếp vào bể tạo bông qua đường ống đầu nổi.
- Tại bể tạo bông sẽ tiến hành khuấy trộn để tăng kích thước bông bùn trước khi đi vào máy ép bùn.
- Máy ép bùn sẽ tách bùn và nước ra. Nước sau ép sẽ được thu từ đường ống dưới thân máy, đường ống này sẽ được dẫn về hố thu để thu gom xử lý. Phần bùn sẽ được thu tại máng thu bùn.
- Bùn sau khi ép, sẽ được vận chuyển đi xử lý.

CHI TIẾT KỸ THUẬT MÁY ÉP Bùn ĐA ĐĨA



MÁY ÉP Bùn TRỤC VÍT

NGUYÊN LÝ VẬN HÀNH



YÊU CẦU KỸ

THUẬT VÀ LỰA CHỌN CÔNG SUẤT

Để đảm bảo cho việc tính toán lựa chọn máy xử lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, Quý Khách hàng cần cung cấp các thông tin sau:

- Loại bùn cần xử lý;
- Công suất nhà máy ($\text{m}^3/\text{giờ}$);
- Thời gian vận hành (giờ);
- Lượng chất rắn DS % hoặc mg/l ;
- Độ pH;
- Nồng độ Chloridion (mg/l).

LỰA CHỌN CÔNG SUẤT

Máy ép bùn trục vít có dải công suất từ $1\text{m}^3/\text{giờ}$ - $14\text{m}^3/\text{giờ}$ để Quý Khách hàng lựa chọn phù hợp với nhu cầu sử dụng và chi phí đầu tư.

Model	Lưu lượng khối (kg/h)		Lưu lượng bùn ($\text{m}^3/\text{giờ}$)			
	Độ đậm đặc thấp	Độ đậm đặc cao	10000 mg/l	20000 mg/l	25000 mg/l	50000 mg/l
QBV-110	5	10	0,5	0,5	0,4	0,2
QBV-141	10	20	1	1	0,8	0,4
QBV-142	15	30	2	2	1,8	0,9
QBV-171/201	15	30	2	2	1,8	0,9
QBV-172/202	45	90	4	4	3,1	1,3
QBV-211/221	30	60	3	3	2,4	1,2
QBV-222	60	120	6	6	4,8	2,4
QBV-223	90	180	9	9	7,2	3,6
QBV-251/261	45	90	4	4	3,1	1,3
QBV-252/262	90	180	8	8	6,4	3,2
QBV-301	50	100	5	5	4	2
QBV-302	100	200	10	10	8	4
QBV-351	60	120	6	6	4,8	2,4
QBV-352	120	240	12	12	9,6	4,8
QBV-381	70	140	7	7	6,8	3,4

MÁY ÉP BÙN TRỤC VÍT

Model	Lưu lượng khối (kg/h)		Lưu lượng bùn (m ³ /giờ)			
	Độ đậm đặc thấp	Độ đậm đặc cao	10000 mg/l	20000 mg/l	25000 mg/l	50000 mg/l
QBV-382	140	280	14	14	13	7

TỰ ĐỘNG HÓA SẢN XUẤT

- Hệ thống điện được cài đặt 2 chế độ tự động hoặc bằng tay;
- Hệ thống cảm biến cảnh báo sự cố như: mực nước thải thấp, mực nước thải cao, kẹt trục vít;
- Chế độ tự động tắt và bật máy.



THỜI GIAN THAY THẾ

Phụ thuộc vào điều kiện và biện pháp vận hành, thời gian nhà sản xuất khuyến cáo thay thế như sau:

Model	Thành phần	Thời gian thay thế (giờ)
110	Lá (đĩa) di động	10000
	Trục vít	30000
140	Lá (đĩa) di động	10000
	Trục vít	30000
170/200	Lá (đĩa) di động	10000
	Trục vít	30000

MÁY ÉP Bùn TRỤC VÍT

Model	Thành phần	Thời gian hay thể (giờ)
210/220	Lá (đĩa) di động	10000
	Trục vít	30000
250/260	Lá (đĩa) di động	10000
	Trục vít	30000
300	Lá (đĩa) di động	20000
	Trục vít	50000
350	Lá (đĩa) di động	20000
	Trục vít	50000
380	Lá (đĩa) di động	20000
	Trục vít	50000

DỊCH VỤ TRƯỚC BÁN HÀNG

- Test mẫu xác định lượng chất rắn trong nước;
- Hỗ trợ tư vấn công nghệ;
- Tính toán lựa chọn thiết bị;
- Báo giá.



HÌNH ẢNH Bùn VÀ NƯỚC SAU ÉP

MÁY ÉP Bùn BẰNG TẢI

Máy ép bùn bằng tải được chế tạo với khung máy làm từ thép không gỉ nên có thể làm việc trong môi trường có độ ăn mòn hóa học cũng như cơ học cao. Ngoài ra, máy ép bùn bằng tải sử dụng các băng tải để ép bùn, bùn được ép ra dưới dạng các bản mỏng, chắc và nhanh khô. Máy ép bùn bằng tải là loại máy hoạt động tự động và liên tục, kinh tế đối với những nơi độ ẩm không cần quá thấp.



Máy bao gồm:

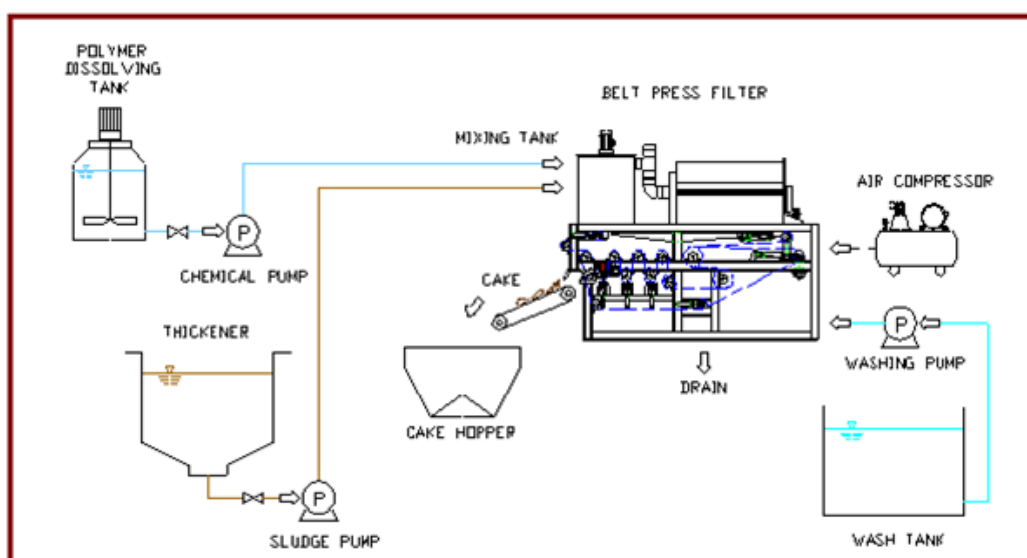
- Máy chính;
- Tủ điều khiển và báo tín hiệu;
- Băng tải ép bùn;
- Bể chứa bùn và motor khuấy trộn bùn;
- Khay dẫn nước thải.

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

Máy bơm bùn từ bể chứa bùn đến bể keo tụ bùn (nếu cần). Từ đây bùn được vận chuyển đến băng tải phụ của máy. Tại đây, nước được phân bố đều trên băng tải và dưới tác dụng của trọng lực bùn sẽ được tách nước. Hiệu suất làm khô phụ thuộc nhiều thông số như: Đặc tính cặn, cặn có trộn với hóa chất keo tụ hay không, độ rỗng của màng lọc, tốc độ di chuyển và lực ép của băng tải. Nồng độ cặn sau khi làm khô trên máy băng tải đạt được từ 15 - 25%.



Bùn sau ép được tách khỏi băng tải bằng hệ thống dao cạo được thiết kế phía cuối máy và được rửa sạch bằng hệ thống ống vòi phun cao áp để tiếp tục quá trình tách lọc. Máy ép bùn bằng tải chạy tự động và liên tục với hệ thống cân chỉnh băng tải tự động bằng khí nén.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY ÉP Bùn BẰNG TẢI

Model	Bề rộng băng tải	Lưu lượng ép (m ³ /hr)	Khối lượng bùn khô sau ép (Kg DS/hr)	Tốc độ băng tải (m/min)	Công suất sử dụng			Lưu lượng nước rửa (m ³ /hr)	Kích thước khung (L.W.H) mm	Trọng lượng (kg)
					Motor điều khiển (kW)	Motor khuấy trộn (kW)	Motor hệ thống li tâm tách nước (kW)			

MÁY ÉP Bùn BẰNG TẢI

QBNBD-M50	500	1 ~ 3	15 ~ 45	2 ~ 8	0.37	0.37	0.37	~3.8	2000 720 2145	860
QBNBD-M75	750	2.5 ~ 5	37 ~ 75	2 ~ 8	0.37	0.37	0.37	~5.3	2000 970 2145	940
QBNBD-M100	1000	3.5 ~ 7	52 ~ 105	2 ~ 8	0.37	0.37	0.37	~7.2	2560 1220 2406	1020
QBNBD-M125	1250	5 ~ 9	75 ~ 135	2 ~ 8	0.37	0.37	0.37	~8.7	2560 1470 2406	1100
QBMBD-M150	1500	9.3 ~ 16	140 ~ 240	2 ~ 8	0.75	0.75	0.75	~10.6	2560 1720 2406	1620
QBMBD-M175	1750	12 ~ 21	180 ~ 320	2 ~ 8	0.75	0.75	0.75	~12.6	3000 1970 2406	1810
QBNBD-M200	2000	15 ~ 29	240 ~ 440	2 ~ 8	0.75	0.75	0.75	~14.5	3000 2220 2406	3300

ỨNG DỤNG:

- Bùn nước thải công nghiệp;
- Bùn nước thải sản xuất giấy và bột giấy;
- Bùn nước thải dệt nhuộm;
- Bùn nước thải sản xuất da;
- Bùn nước thải sản xuất thực phẩm và nước giải khát.

ƯU ĐIỂM:

- Vận hành hoàn toàn tự động và liên tục;
- Hai băng tải trên và dưới có khả năng tự điều chỉnh đến trạng thái cân bằng giúp cải thiện tuổi thọ băng tải;
- Độ ồn và độ rung thấp, hiệu suất làm việc ổn định;
- Tiêu thụ ít polymer và nước rửa băng tải;
- Phụ kiện thay thế đơn giản giúp giảm chi phí bảo trì;
- Áp dụng rộng rãi cho các loại bùn khác nhau.



MÁY ÉP Bùn KHUNG BÀN

Máy ép bùn khung bàn là các thiết bị tách chất lỏng/ rắn sử dụng áp suất nén thủy lực và áp suất ép để tách hàm lượng chất lỏng trong quá trình.

ỨNG DỤNG:

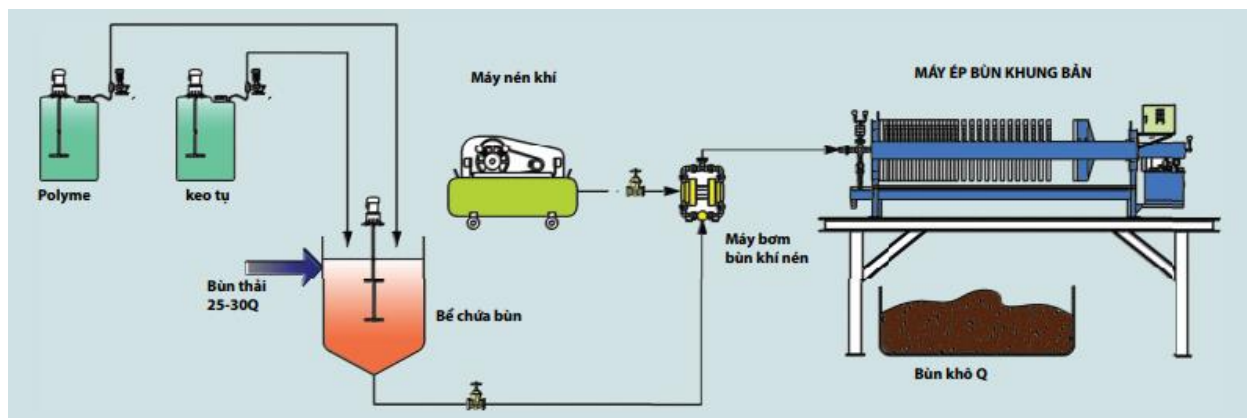
- Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm;
- Ngành công nghiệp da;
- Ngành công nghiệp kim loại;
- Ngành công nghiệp mạ điện;
- Ngành công nghiệp nhà máy giấy;
- Ngành công nghiệp nhà máy dệt nhuộm;
- Ngành công nghiệp in ấn;
- Nhà máy chế tạo linh kiện điện tử;
- Ngành cơ khí;
- Nhà máy xử lý nước sạch,...



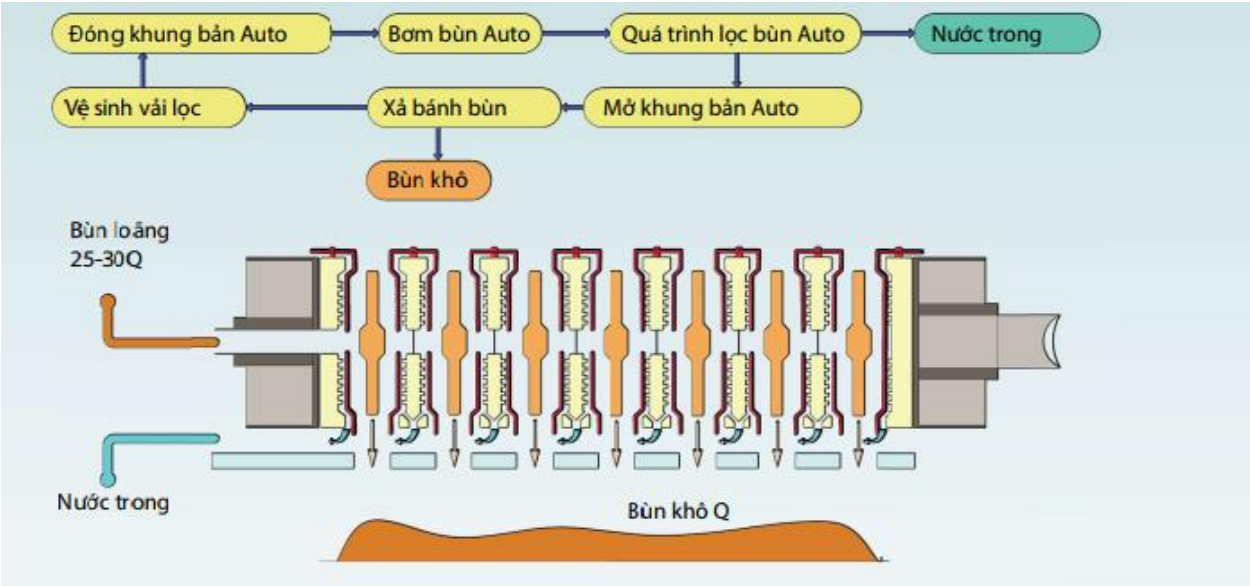
ƯU ĐIỂM:

- Được trang bị với tất cả các bảo vệ theo yêu cầu của các quy định an toàn, và hệ thống điện được xây dựng theo các tiêu chuẩn hiện hành nghiêm ngặt nhất;
- Lọc áp lực cao tạo ra một bánh bùn có độ ẩm thấp;
- Hệ thống rửa vải lọc mạnh mẽ và hiệu quả ngăn ngừa tắc nghẽn của vải lọc;
- Thiết bị lắc và lắc đĩa độc đáo cung cấp dịch vụ xả bánh tiện lợi và an toàn từ bộ lọc ép;
- Cấu trúc thép nặng với lớp phủ epoxy hai lần cho khả năng kháng hóa chất tối đa;
- Tấm lọc có khả năng chống ăn mòn 100% polypropylene;
- Hoàn thành đa tạo gồm cả tính năng thổi khí để đảm bảo bánh khô nhất có thể;
- Hệ thống dầu thủy lực để mở và đóng tự động;
- Bộ lọc ép tự động hoàn toàn với hệ thống mở tự động;
- Hoàn toàn tự động lọc ép với tấm khối lượng thay đổi (màng);
- Tiết kiệm năng lượng, vận hành đơn giản, đầu tư thấp và chi phí bảo trì thấp.

SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT ĐẶT



MÁY ÉP Bùn KHUNG BẦN



NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Khung bần	Khối lượng bùn ướt (lít/mẻ)	Khối lượng bùn khô (lít/mẻ)	Công suất (Kw/380V/50Hz)	Kích thước (mm)
500	10	1200	60	1,5	2200 x 900 x 1600
	15	1800	90		2450 x 900 x 1600
	20	2400	120		2700 x 900 x 1600
	25	3000	150	2,2	2950 x 900 x 1600
	30	3600	180		3200 x 900 x 1600
630	20	5000	250	2,2	3250 x 1000 x 1650
	25	6300	310		3600 x 1000 x 1650
	30	7500	350		3950 x 1000 x 1650
	35	8800	440	3,7	4300 x 1000 x 1650
800	25	11300	560	3,7	3450 x 1150 x 1750
	30	13500	675		3800 x 1150 x 1750
	35	15700	780		4150 x 1150 x 1750
	40	18000	895		4500 x 1150 x 1750
1000	30	22000	1100	5,5	4600 x 1500 x 1850
	35	25500	1275		4950 x 1500 x 1850
	40	29000	1450		5300 x 1500 x 1850
	45	32500	1625	7,5	5650 x 1500 x 1850
	50	36000	1800		6000 x 1500 x 1850

DAF VUÔNG

ỨNG DỤNG:

- DAF có thể sử dụng trong xử lý nước thải công nghiệp, nước bề mặt, nước tái sử dụng trong các ngành công nghiệp giấy, hóa dầu, thuộc da, mực và in, công nghiệp thực phẩm,... DAF có thể loại bỏ SS, dầu/dầu mỡ khoáng và một phần của COD/BOD.
- DAF có thể bảo vệ được màng RO, màng MBR và có thể tăng tuổi thọ của màng và tiết kiệm chi phí hợp lý.
- Loại bỏ dầu mỡ trong nước thải mà không cần dùng hóa chất.

THÔNG SỐ THIẾT KẾ

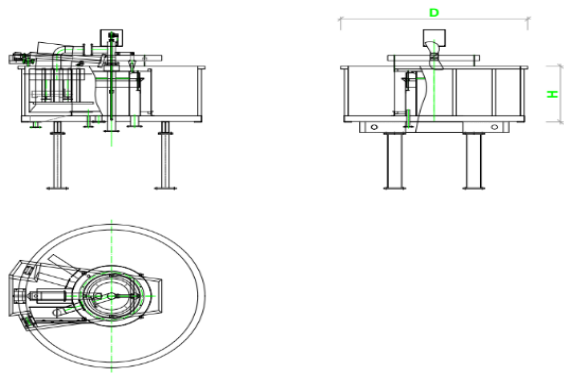
Model	Công suất	Năng lượng (kW)			Kích thước			Ống nối (DN)		
	(m³/h)	Bơm tuần hoàn	Máy nén khí	Hệ thống gạt bọt	Rộng (W) mm	Dài (L) mm	Cao (H) mm	(a) Đường nước vào	(b) Đường nước ra	(c) Đường bùn ra
QBDAF-002	~ 2	0,75	0,55	0,2	2.400	3.200	2.932	40	40	80
QBDAF-003	~ 3	0,75	0,55	0,2	2.400	3.500	2.932	80	80	100
QBDAF-005	~ 5	1,1	0,55	0,2	2.400	3.800	2.932	80	80	100
QBDAF-007	~ 7	1,5	0,55	0,2	2.700	4.100	2.932	100	100	100
QBDAF-010	~ 10	1,5	0,55	0,2	2.700	4.500	2.932	100	100	100
QBDAF-015	~ 15	2,2	0,75	0,2	2.900	5.500	2.932	100	100	100
QBDAF-020	~ 20	3	0,75	0,2	3.200	5.700	2.932	150	150	150
QBDAF-030	~ 30	3	0,75	0,2	3.200	6.500	2.932	150	150	150
QBDAF-040	~ 40	5,5	0,75	0,2	3.600	7.700	2.932	200	200	150
QBDAF-050	~ 50	5,5	0,75	0,2	3.600	8.100	2.932	200	200	150
QBDAF-060	~ 60	7,5	1,5	0,2	3.800	9.500	2.932	250	250	150
QBDAF-070	~ 70	7,5	1,5	0,2	3.800	10.000	2.932	250	250	150
QBDAF-080	~ 80	11	1,5	0,2	4.000	10.500	2.932	250	250	150
QBDAF-100	~ 100	15	2,2	0,2	4.200	11.700	2.932	300	300	150
QBDAF-120	~ 120	15	2,2	0,2	4.400	12.500	2.932	300	300	150

ƯU ĐIỂM:

- Giảm thiểu 75% tổng chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt;
- Loại bỏ 85% nhu cầu oxy hóa học trong nước (COD);
- Chi phí vận hành và bảo dưỡng thấp (O&M);
- Đáp ứng đạt các tiêu chuẩn và được tùy chỉnh trong mọi ứng dụng và nhiều lĩnh vực;
- Được thiết kế dễ dàng cho việc lắp đặt và sử dụng;
- Thích hợp sử dụng ở môi trường có độ mặn cao.



DAF TRÒN



THÔNG SỐ THIẾT KẾ

Model	Lưu lượng max (m ³ /h)	Động cơ gáo vớt bùn (kW)	Động cơ trục quay (kW)	Đường kính D (mm)	Chiều cao H (mm)
QBSDAF-143	3	0,37	0,37	1.400	1000
QBSDAF-165	5	0,37	0,37	1.600	1000
QBSDAF-187	7	0,37	0,37	1.800	1000
QBSDAF-2010	10	0,37	0,75	2.000	1000
QBSDAF-2213	13	0,37	0,75	2.200	1000
QBSDAF-2416	16	0,75	0,75	2.400	1000
QBSDAF-2620	20	0,75	0,75	2.600	1000
QBSDAF-2825	25	0,75	0,75	2.800	1000
QBSDAF-3030	30	0,75	1,1	3.000	1000
QBSDAF-3235	35	0,75	1,1	3.200	1000
QBSDAF-3440	40	0,75	1,1	3.400	1000
QBSDAF-3645	45	0,75	1,1	3.600	1000
QBSDAF-3850	50	0,75	1,1	3.800	1000
QBSDAF-4055	55	0,75	1,1	4.000	1000
QBSDAF-4260	60	0,75	1,1	4.200	1000
QBSDAF-4465	65	0,75	1,1	4.400	1000
QBSDAF-4670	70	0,75	1,5	4.600	1000
QBSDAF-4875	75	0,75	1,5	4.800	1000
QBSDAF-5080	80	0,75	1,5	5.000	1000
QBSDAF-5285	85	0,75	1,5	5.200	1000
QBSDAF-5490	90	0,75	1,5	5.400	1000
QBSDAF-56100	100	0,75	1,5	5.600	1000
QBSDAF-58110	110	0,75	1,5	5.800	1000
QBSDAF-60120	120	0,75	1,5	6.000	1000
QBSDAF-62130	130	0,75	1,5	6.200	1000
QBSDAF-64140	140	0,75	1,5	6.400	1000

BỒN TẠO ÁP

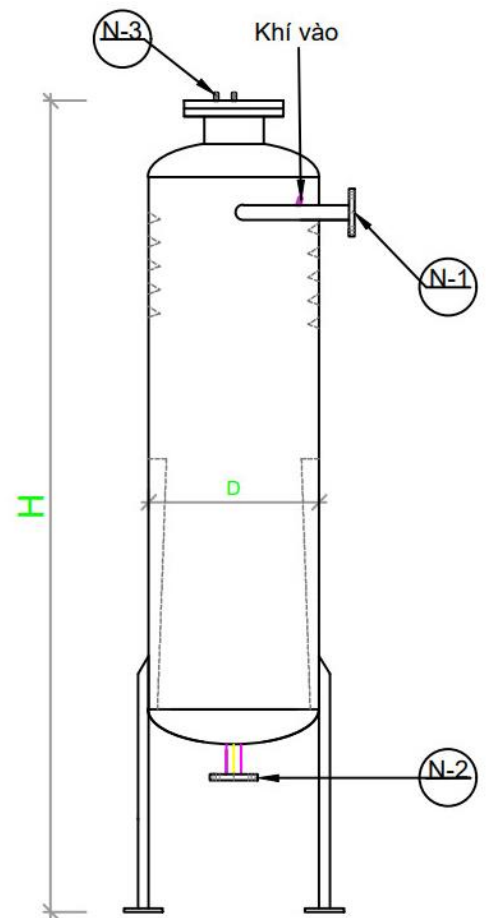
Yếu tố quan trọng nhất để có một quá trình tuyển nổi hoàn hảo là bồn tạo áp. Trong đó, dưới áp lực, không khí sẽ được hòa tan vào nước. Bong bóng siêu nhỏ được tạo ra trong bồn lọc áp lực và sau đó đi vào bể tuyển nổi làm tăng hiệu quả xử lý.

Thiết kế độc đáo của hệ thống hòa tan nâng tỷ lệ bão hòa không khí cao hơn 95% giá trị lý thuyết theo định luật Henry.

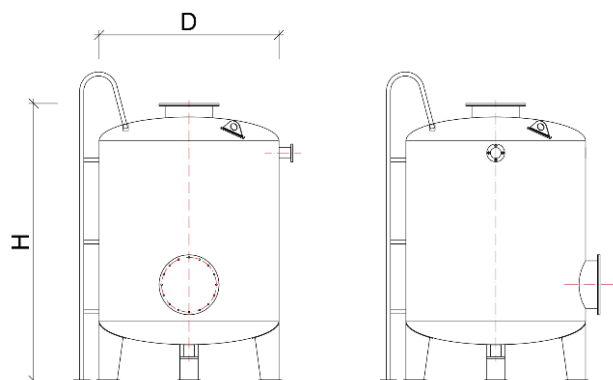
Vật liệu: 100% inox.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	H mm	D mm	N3 mm	N1 – N2 mm	Công suất tối đa m ³ /h
0,15	2114	220	DN 8	DN 32	30
0,25	2114	350	DN 8	DN 32	60
0,5	2270	480	DN 8	DN 32	90
0,75	2770	600	DN 8	DN 50	180
1,1	2770	800	DN 8	DN 50	360



BỒN LỌC ÁP LỰC



điện, trạm xử lý nước thải, xử lý nước cấp, bể bơi.

Bồn lọc áp lực là thiết bị dùng để lọc phân tách sơ bộ các thành phần tạp chất có trong nước nhằm làm sạch nước cấp và nước thải. Hay được hiểu là một loại bể lọc nhanh kính, thường được chế tạo bằng thép có dạng hình trụ đứng (cho công suất nhỏ) và hình trụ ngang (cho công suất lớn).

ỨNG DỤNG: dùng cho tháp làm mát, các nhà máy

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

MODEL	LƯU LƯỢNG XỬ LÝ	KÍCH THƯỚC				ĐẦU NỐI	
	m ³ /h	Ø(m)	H (m)	Đày(mm)	Trọng lượng	Vào Øv(mm)	Ra Ør(mm)
QB-AP5	5	0.8	2.2	4	222	60	60
QB-AP10	10	1.1	2.3	4	344	90	90
QB-AP15	15	1.4	2.8	4	542	90	90
QB-AP20	20	1.6	3.0	4	636	90	90
QB-AP25	25	1.8	3.0	4	785	114	114
QB-AP30	30	1.9	3.0	4	840	114	114
QB-AP35	35	2.0	3.6	4	993	114	114
QB-AP40	40	2.1	3.6	4	1322	168	168
QB-AP45	45	2.2	3.6	4	1400	168	168
QB-AP50	50	2.3	3.6	4	1480	168	168

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG:

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ, được đưa đến bồn lọc áp lực để xử lý tinh triệt để. Các chất rắn không tan và tan đều được giữ lại khi nước đi qua các lớp vật liệu lọc. Nhờ đó nước trở nên sạch hơn sau khi đi qua hệ thống và tùy theo kích thước của chủng vật liệu lọc mà khả năng xử lý đối với từng loại nước khác nhau. Sáu mỗi chu kỳ lọc, cần đánh bầm trên lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược. Cần bầm và vật liệu lọc sẽ được xối tung lên, quá trình đó làm cho chúng va chạm và ma sát vào nhau và sẽ tự làm sạch bề mặt của chúng, nước rửa lọc sẽ từ ống xả đáy dưới đáy bồn để đi xử lý.

ƯU ĐIỂM:



BỒN LỘC ÁP LỰC

- Chi phí đầu tư và bảo trì thấp;
- Vận hành và bảo trì đơn giản;
- Các thiết bị ngoại vi và phụ kiện đầy đủ cho phép tối ưu việc kiểm soát vận hành và thiết lập tốt quá trình rửa ngược.

HỆ THỐNG PHA HÓA CHẤT TỰ ĐỘNG

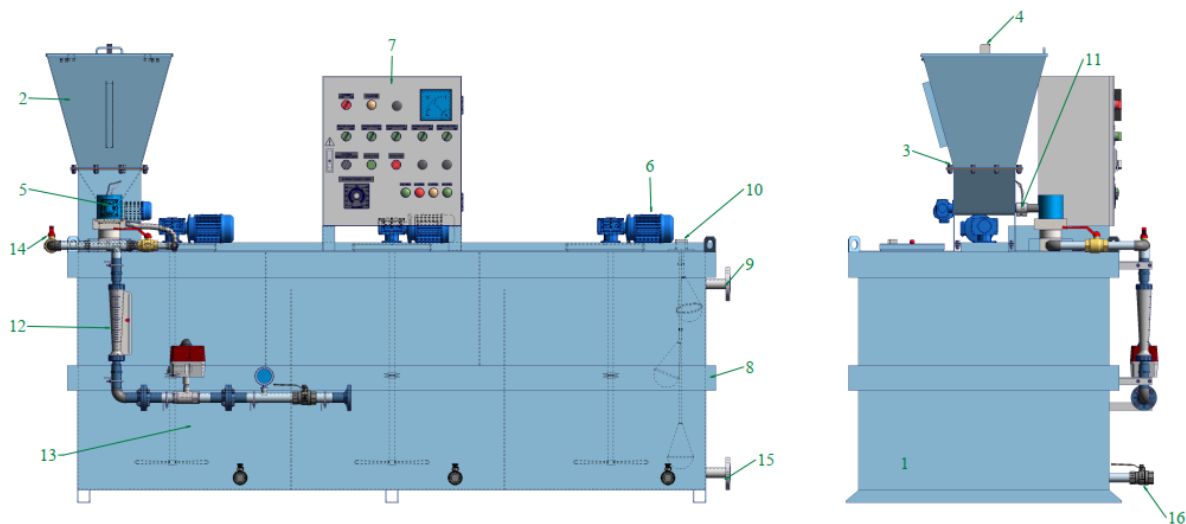
Hệ thống pha hóa chất tự động được ứng dụng cho các công trình xử lý nước thải và một số công trình khác. Thiết bị chuyển bị polymer khô với nồng độ chất lỏng được xác định theo các đơn vị hệ thống cần, để tối ưu hóa hiệu quả cho quá trình keo tụ và tạo bông của chất rắn.

Thiết bị pha hóa chất tự động với hiệu quả cao được thiết kế cho việc trộn hóa chất, hòa tan và điều chỉnh nồng độ, thiết bị này bao gồm bồn lưu hóa chất, vận chuyển hóa chất, trộn, thiết bị chỉnh mức hóa chất, đồng hồ đo lưu lượng tử điện.

ỨNG DỤNG: Được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và dân dụng,... tại các nhà máy, xí nghiệp, trang trại, nông trại, tòa nhà, hệ,... thường đường dùng cho hệ thống xử lý nước và nước thải.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

- Lưu lượng: từ 0,5 – 20 m³/giờ ;
- Công suất: từ 1HP – 3 HP;
- Điện áp: 1pha – 220V, 3 pha – 380V.



CHÚ THÍCH

1	Khung máy (frame)	5	Trục trộn hóa chất (mixer)	9	Nước chảy tràn (overflow)	13	Van điện
2	Thùng nghiền hóa chất (powder tank)	6	Motor	10	Thiết bị thông báo mực nước (level sensor)	14	Nước đầu vào (water inlet)
3	Ốc vận (screw)	7	Tủ điện	11	Thiết bị gia nhiệt (heating)	15	Nước đầu ra (outlet)
4	Thiết bị chỉ thị hóa chất (powder indicator)	8	Cánh khuấy (impeller)	12	Đồng hồ đo lưu lượng	16	Van thoát nước

THIẾT BỊ PHẢN ỨNG SIÊU TỐC

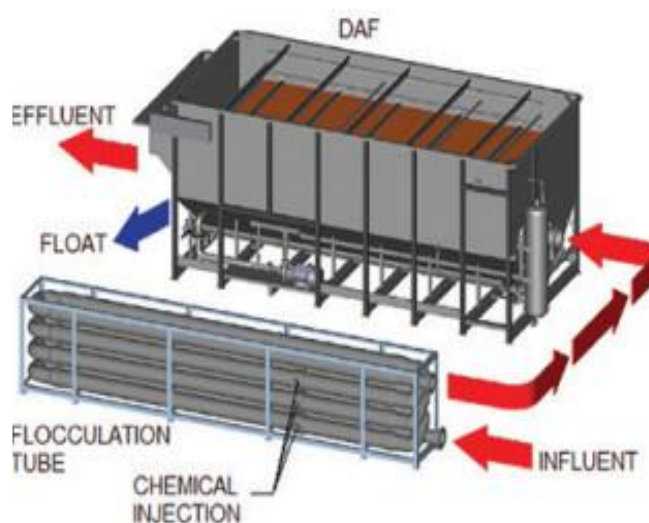
Ứng dụng:

- Xử lý nước thải trong các ngành có chất thải dạng rắn, dạng dầu,.. ví dụ như chế biến thủy hải sản, sản xuất giấy, dệt may, ...
- Tối ưu hóa quá trình đông tụ tạo bông trước khi sử dụng các thiết bị lắng và daf.



Ưu điểm:

- Không bị tắc nghẽn bởi những chất thải lớn có trong nước thải.
- Thiết bị nhỏ gọn, tiết kiệm không gian tối đa.
- Không có chi phí bảo trì và vận hành.
- Tối ưu hóa quá trình đông tụ tạo bông trước khi sử dụng thiết bị lắng hoặc daf.



THIẾT BỊ PHẢN ỨNG SIÊU TỐC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Lưu lượng (min)	Lưu lượng (max)	Đường kính ống	Vật liệu	A	B	C	Trọng lượng khô	Trọng lượng ướt
	m³/h	m³/h	mm		mm	mm	mm		
PFL003	2.0	3.5	34	PVC/HDPE/SS	4000	955	910	80	180
PFL004	3.5	6.0	42	PVC/HDPE/SS	4000	960	940	110	210
PFL010	6.0	10.0	60	PVC/HDPE/SS	4000	990	1160	240	510
PFL015	10.0	15.0	76	PVC/HDPE/SS	4000	990	1160	260	680
PFL020	15.0	25.0	90	PVC/HDPE/SS	4000	1020	1370	300	860
PFL045	35.0	50.0	114	PVC/HDPE/SS	4000	1044	1540	355	1255
PFL060	45.0	65.0	140	PVC/HDPE/SS	4000	1070	1720	425	1625
PFL100	85.0	120.0	168	PVC/HDPE/SS	4000	1100	2050	550	2490
PFL180	140.0	210.0	220	PVC/HDPE/SS	4000	1350	2430	890	4190
PFL300	240.0	350.0	273	HDPE/SS	4000	1490	2850	890	4190

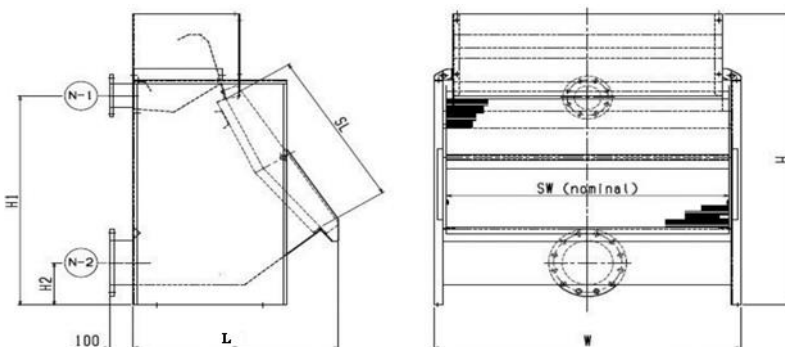
LƯỚI RÁC TĨNH

ỨNG DỤNG:

- Xử lý sơ bộ nước thải/lọc rác tĩnh;
- Công đoạn cuối cùng của xử lý sơ bộ;
- Thu hồi sản phẩm;
- Tách sạn/chất đọng;
- Nén vật liệu;

ƯU ĐIỂM:

- Thiết kế và lắp đặt đơn giản;
- Chi phí vận hành thấp;
- Dòng chảy được thiết kế nhỏ giọt hai chiều đảm bảo công suất hoạt động cao hơn 30% so với các loại thông thường;
- Khe hở của sàn rác trong khoảng từ 0,25 – 2,5 mm;
- Hiệu quả tách rác cao;
- Tiêu thụ điện năng thấp;
- An toàn trong sử dụng;
- Bền với thời gian.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT LƯỚI VIỆT NAM

Model	Kích thước tấm lưới SWxSL (mm)	W (mm)	L (mm)	H (mm)	N1 (Ø) mm	N2 (Ø) mm	H1 (mm)	H2 (mm)	Vật liệu	Trọng lượng (kg)
QB-S400	400 x 750	500	970	1525	50	100	1000	160	SUS304	60
QB-S800	800 x 750	900	970	1525	50	100	1000	160	SUS304	80
QB-S1100	1100 x 750	1200	970	1525	80	150	1020	185	SUS304	110
QB-S1400	1400 x 750	1500	970	1525	100	200	1033	211	SUS304	140
QB-S1700	1700 x 900	1820	1160	1825	125	250	1355	238	SUS304	200
QB-S2000	2000 x 900	2120	1160	1825	150	300	1355	270	SUS304	270

THÔNG SỐ LƯU LƯỢNG TIÊU BIỂU – KHE 2.0 MM (M³/H)

Lĩnh vực	Khe lưới	S400	S800	S1100	S1400	S1700	S2000
Nhà máy chế biến trái cây	2.0	15	28	42	63	94	141
Nước thải chăn nuôi	2.0	15	28	42	63	94	141
Nước thải thủy sản	2.0	15	28	42	63	94	141
Nước thải giết mổ	2.0	15	28	42	63	94	141
Nước thải sinh hoạt	2.0	15	28	42	63	94	141
Nước sông	2.0	30	40	60	90	135	202

THÔNG SỐ LƯU LƯỢNG TIÊU BIỂU – KHE 1.0MM (M³/H)

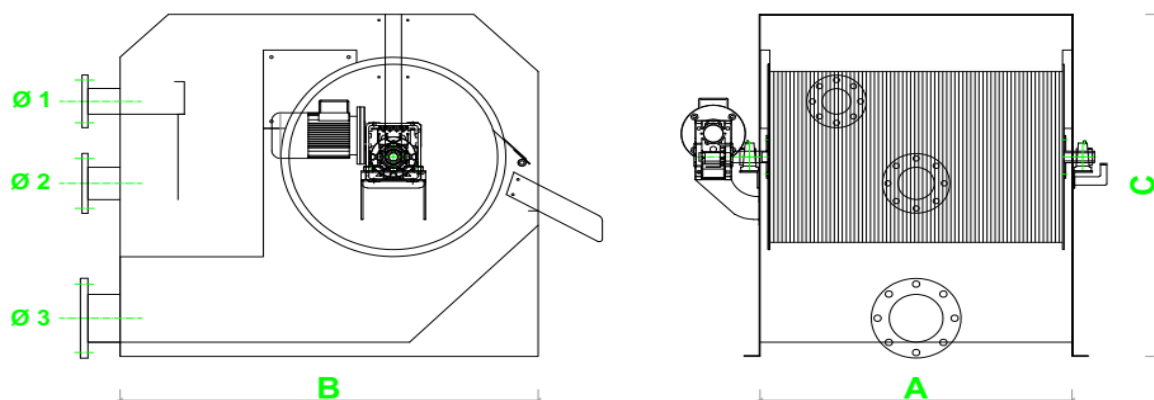
LƯỢC RÁC TỈNH

Lĩnh vực	Khe lưới	S400	S800	S1100	S1400	S1700	S2000
Nhà máy chế biến trái cây	1.0	7.5	14	21	31.5	47	70.5
Nước thải chăn nuôi	1.0	7.5	14	21	31.5	47	70.5
Nước thải thủy sản	1.0	7.5	14	21	31.5	47	70.5
Nước thải giết mổ	1.0	7.5	14	21	31.5	47	70.5
Nước thải sinh hoạt	1.0	7.5	14	21	31.5	47	70.5
Nước sông	1.0	15	20	30	45	67.5	101

THÔNG SỐ LƯU LƯỢNG TIÊU BIỂU – KHE 0.5 MM (M³/H)

Lĩnh vực	Khe lưới	S400	S800	S1100	S1400	S1700	S2000
Nhà máy chế biến trái cây	0.5	4	7	10.5	16	23.5	35
Nước thải chăn nuôi	0.5	4	7	10.5	16	23.5	35
Nước thải thủy sản	0.5	4	7	10.5	16	23.5	35
Nước thải giết mổ	0.5	4	7	10.5	16	23.5	35
Nước thải sinh hoạt	0.5	4	7	10.5	16	23.5	35
Nước sông	0.5	7.5	10	15	22.5	34	50.5

LƯỚI RÁC TRỒNG QUAY



ỨNG DỤNG:

- Để tách lọc sản phẩm trong chế biến sản xuất;
- Công nghiệp hóa chất, công nghiệp thực phẩm;
- Xử lý nước thải đô thị;
- Lọc rác tinh;
- Giai đoạn hoàn tất xử lý sơ bộ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



Model	Đường kính trụ mm	Trọng lượng máy kg	Chiều rộng (A) mm	Chiều dài (B) mm	Chiều cao (C) mm	Ø1 mm	Ø2 mm	Ø3 mm
QB-4080	450	140	1130	949	1210	50	65	100
QB-4100	450	170	1430	949	1210	50	80	125
QB-6080	650	700	1160	1454	1210	80	100	150
QB-6100	650	960	1470	1454	1210	80	125	200
QB-6150	650	1450	1770	1454	1210	100	200	300

ƯU ĐIỂM:

- Bộ phận lọc rác được thiết kế có mái che;
- Tách nước hiệu quả cao;
- Thiết kế nguyên khối tiết kiệm năng lượng và không gian, giảm thiểu tối đa việc gây ra ô nhiễm xung quanh;
- Vận hành liên tục với hệ thống tự làm sạch tự động;
- Chi phí vận hành và bảo trì thấp;
- Thiết kế chắc chắn, bền vững.



CÔNG SUẤT TRUYỀN NƯỚC VÀO M³/H

Model	Khe hở lưới mm		
	0,5	1,0	2,0
QB-4080	27	65	89
QB-4100	47	112	154
QB-6080	103	172	251
QB-6100	154	253	379
QB-6150	201	334	502

SÀN LỌC LY TÂM

Sàn lọc ly tâm với chức năng chính là tách nước và thu hồi lại sản phẩm mong muốn.

ỨNG DỤNG:

- Mỏ đá: thích hợp để sàng lọc và phân loại sỏi và bùn, cát vàng phù sa, đất sét, bột núi, cát,...;
- Công nghiệp than: thích hợp để sàng lọc và phân loại than cục, bụi than, rửa than,...;
- Công nghiệp hóa chất, chọn lọc khoáng sản: thích hợp để phân loại cục, chất bột,...;
- Luyện kim, xây dựng và các ngành công nghiệp khác;
- Dầm gỗ, cưa bụi;
- Rác thải, chất thải rắn đô thị;
- Thủy sản: thu hồi bột cá,
- Thu hồi bột giấy.



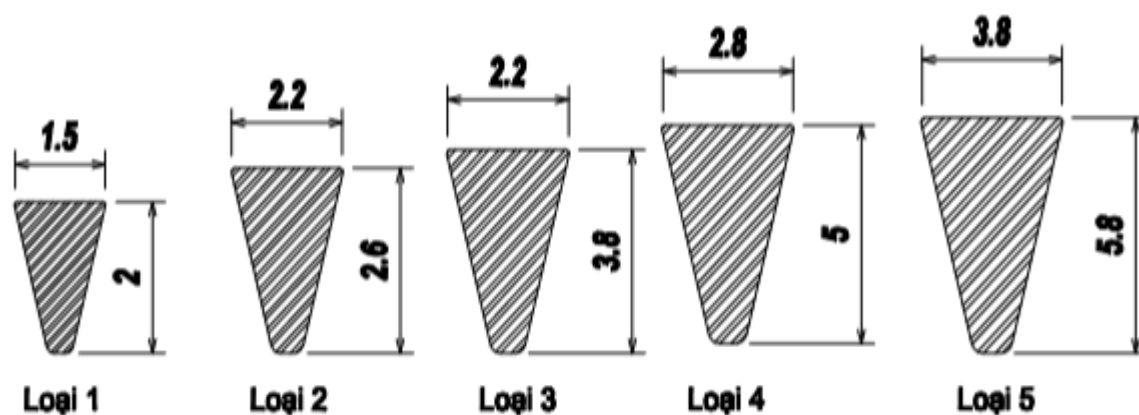
Lưới lọc dây nôm có tên gọi quốc tế là **Wedge wire screen**. Ở Việt Nam trong lĩnh vực khai thác khoáng sản có tên gọi là **Lưới sàng khe thép trắng**, trong lĩnh vực chế biến thực phẩm và xử lý nước thải môi trường có tên gọi là **Lưới lọc tam giác** hay **Lưới lọc khe dạng V**.

Hiện nay chúng tôi đã sở hữu 2 dây chuyền sản xuất **Lưới lọc dây nôm** công nghệ hiện đại sản xuất các loại ống lọc từ phi 45mm đến phi 1200mm và tấm sàng lọc có kích thước đến 3200mm x 4000mm. Khe hở tùy chỉnh từ 0.15mm đến 20mm với độ chính xác cao (khe hở $\pm 0.05\text{mm}$). Cung cấp cho các ngành khai thác than đá, chế biến thực phẩm, xử lý nước thải môi trường, thu hồi bột giấy, lọc nước, lọc giếng khoan, lọc ép dầu ...

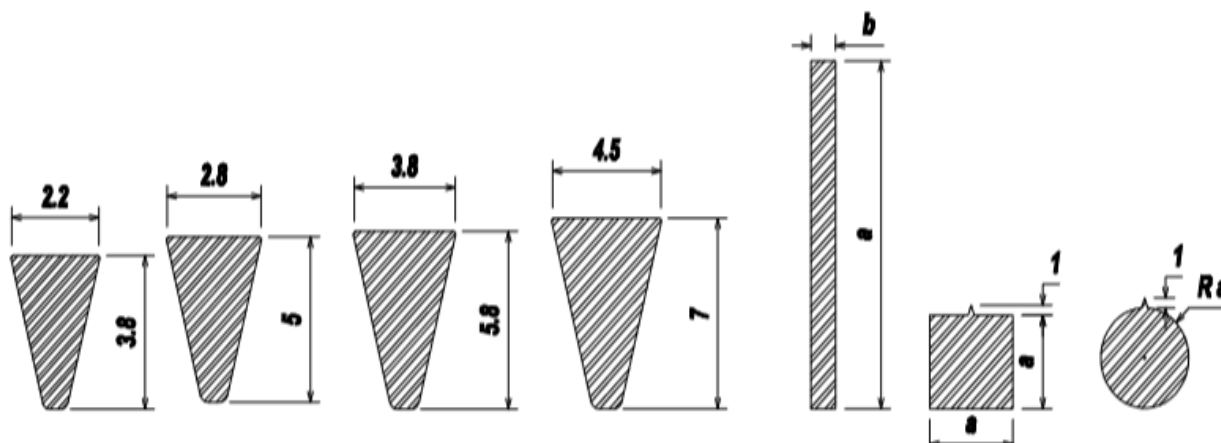
Vật liệu lưới lọc dây nôm là Inox SUS304 hoặc SUS316L hoặc SUS310 (chịu nhiệt) theo yêu cầu.

CẤU TẠO CỦA LƯỚI GỒM DÂY NÔM VÀ THANH ĐỖ:

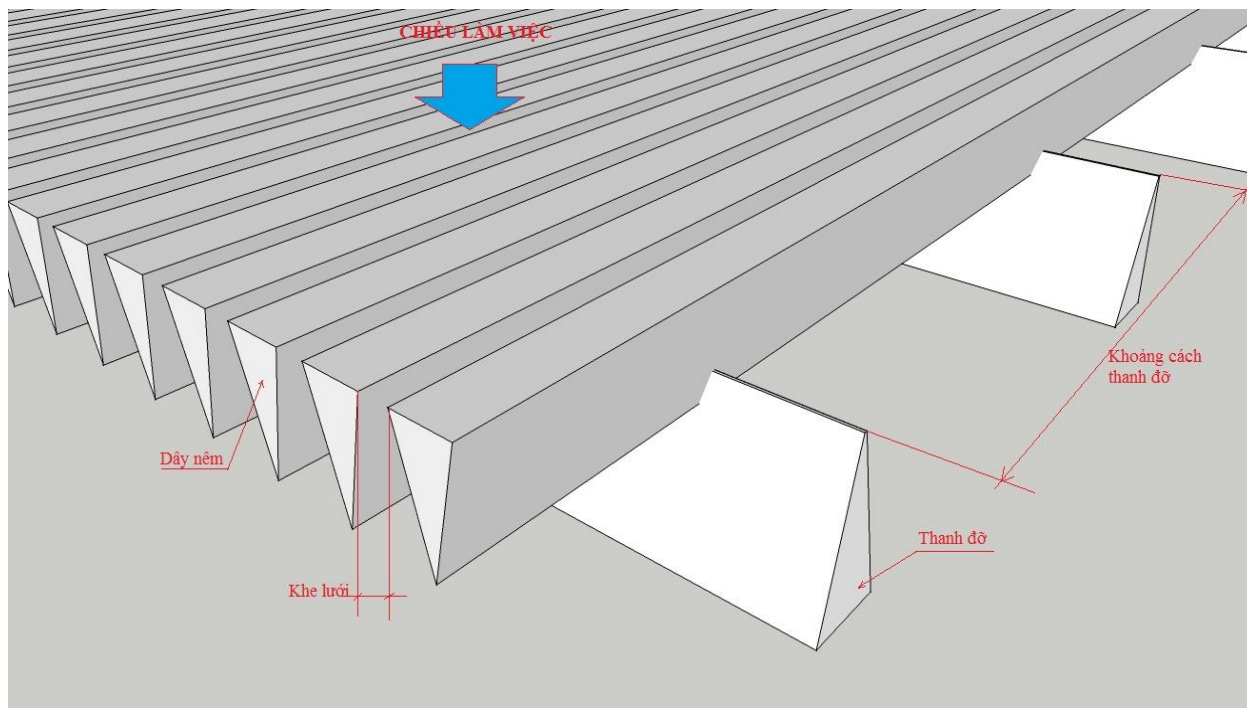
- **Dây nôm:** là dây mặt lưới có hình dạng lăng trụ tam giác, ưu điểm chống tắc trong quá trình sử dụng, hiện chúng tôi sản xuất các loại dây nôm như sau:



- **Thanh đỗ:** là thanh có hình dạng chữ nhật (lập lờ), hình vuông, tam giác, hình tròn có tác dụng tăng cứng và định hình cho lưới, tùy vào mục đích sử dụng để chọn hình dáng và kích thước thanh đỗ cho phù hợp

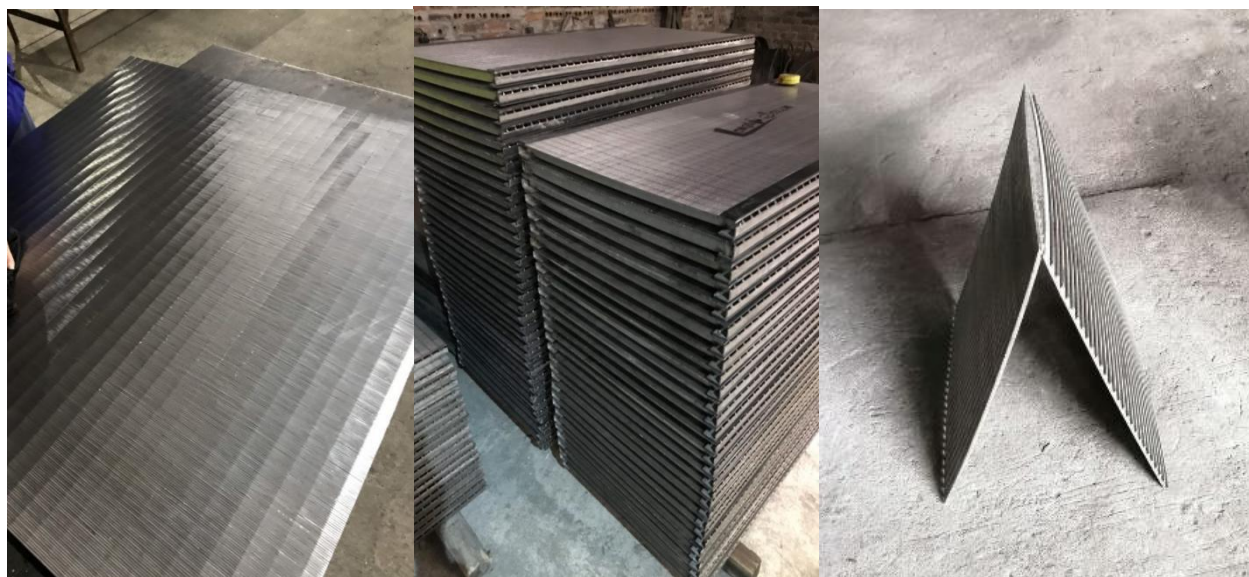


CẤU TẠO CỦA TẤM LƯỚI LỌC DÂY NÊM:



Dây nệm và thanh đỡ liên kết với nhau bằng phương pháp hàn chập (hàn điểm, hàn ép) kết hợp dung môi bảo vệ, ưu điểm của phương pháp này là không thay đổi thành phần hóa học của vật liệu đảm bảo cơ tính của vật liệu.

Lưới lọc dây nệm (sàng khe thép trắng) dạng tấm phẳng có chiều dày từ 2mm đến 30mm, kích thước (dài * rộng) tùy theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng, khe lưới từ 0.2-5.0mm. Ứng dụng sàng rửa than, đá, sàng cát, sàng phân bón hóa học, lọc cặn bã hữu cơ, làm tấm chắn rác, lược rác tĩnh, xử lý môi trường...



Lưới lọc dạng ông từ phi 60mm đến phi 1200mm, có thể có mặt bích hai đầu, khớp nổi ren hoặc khớp nổi hàn tùy theo yêu cầu, khe lưới từ 0.2 – 5.0mm. Ứng dụng hàng đầu trong công nghệ lọc nước giếng khoan trên thế giới, ưu điểm không biến dạng do áp suất tăng, không tắc nghẽn, không han rỉ, kéo dài tuổi thọ của giếng khoan.

ỐNG/ LƯỚI LỌC



Có hai loại ống được phân ra theo chiều lọc:

- Chiều lọc từ ngoài vào trong: Ứng dụng làm tang trống máy quay tách rác; ống thu nước thải môi trường, ống lọc giếng khoan, ống lọc dầu ...



- Chiều lọc từ trong ra ngoài: Ứng dụng tách chất lỏng rắn, lọc bột giấy, ống bao trục vít ép chất thải hữu cơ (phân động vật) ...



ỐNG/ LƯỚI LỌC

Lưới lọc dạng côn ly tâm: Đường kính từ 400mm đến 1650mm, khung kết cấu vững chắc, cân bằng động, vật liệu chịu mài mòn cao. Ứng dụng vắt khô, tách nước các sản phẩm dạng hạt sau khi rửa sạch bụi bẩn như than cám, cát xuất khẩu, muối tinh, đường...



Lưới lọc có hình dạng cong: Ứng dụng tách chất lỏng rắn, lọc rác tĩnh, sàng lọc thu hồi bột giấy ...



BỂ LẮNG ĐỨNG

Bể lắng đứng thường diện tích hình tròn hoặc hình vuông, đáy dạng nón hay chóp cụt. Đường kính không vượt quá ba lần chiều sâu công tác và có thể đến 10 m. Khi nước dâng lên từ dưới thân thì cần sẽ thực hiện một quá trình ngược lại. Như vậy cần chỉ lắng được trong trường hợp tốc độ lắng lớn hơn tốc độ nước dâng V_d (thông thường $V_d = 0.7 \text{ mm/s}$). Thời gian lắng 0.5 – 1.5 giờ. Cấu tạo vách nghiêng ở đáy bể giống bể lắng ly tâm.



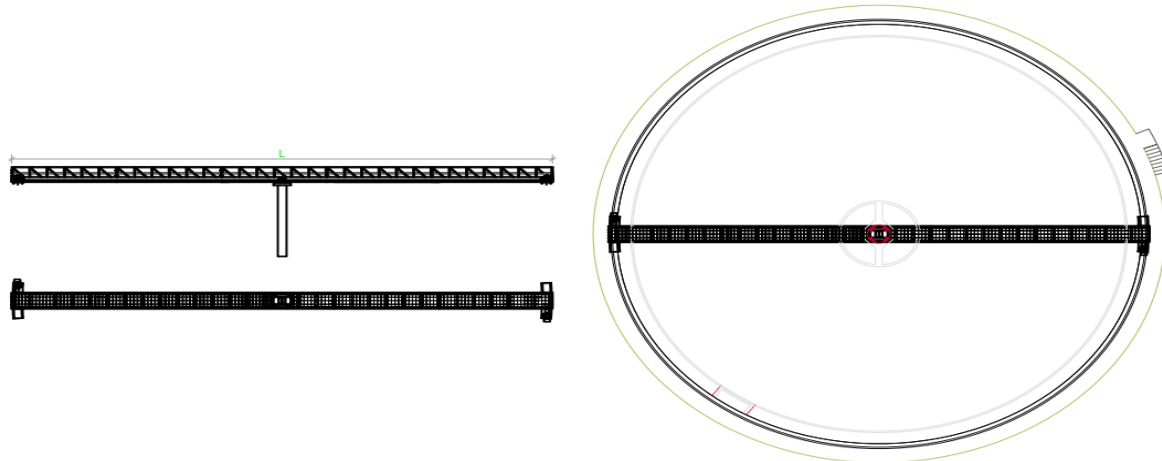
ƯU ĐIỂM:

- Thiết kế nhỏ gọn, diện tích sử dụng thấp;
- Thuận tiện trong việc xả bùn hoặc tuần hoàn bùn;
- Chi phí đầu tư thấp;
- Vận hành, bảo trì đơn giản.



CẦU QUAY BỂ LẮNG 2 BÊN

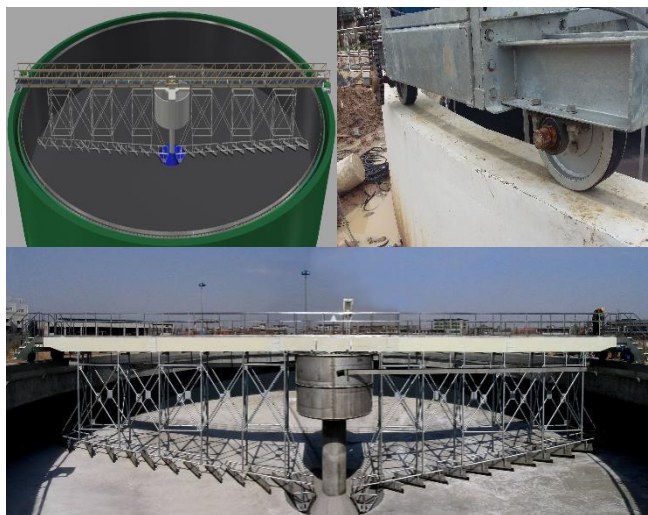
THÔNG SỐ KỸ THUẬT



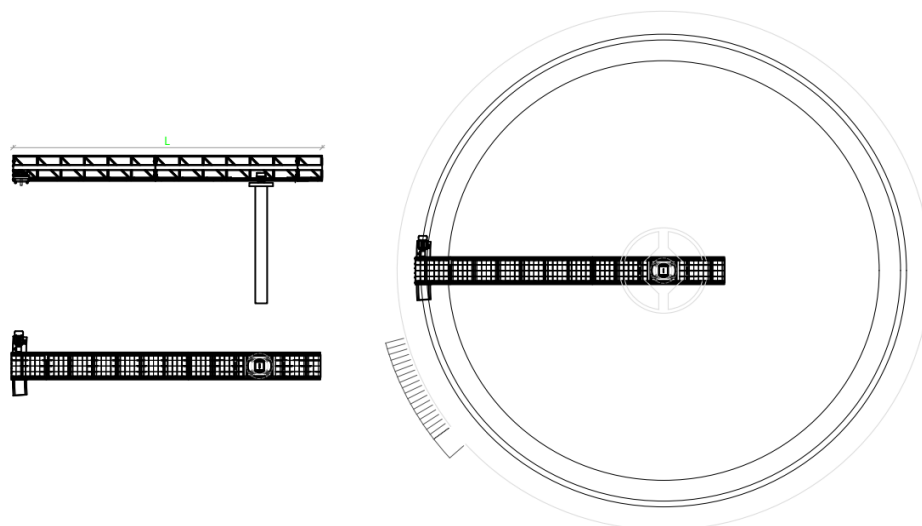
Model	Đường kính bể (m)	Tốc độ (m/min)	Motor (kW)	Chiều cao (m)	Độ dốc
QBXZC-16	16	1-2	0,74	3-4	1:10
QBXZC-20	20	1-2	1,1	3-4	1:10
QBXZC-24	24	1-2	1,5	3-4	1:10
QBXZC-30	30	1-2	1,5	3-4	1:10
QBXZC-35	35	1-2	1,5	3-4	1:10
QBXZC-40	40	1-2	2,2	3-4	1:10
QBXZC-45	45	1-2	3	3-4	1:10
QBXZC-50	50	1-2	3	3-4	1:10

MÔ TẢ:

Cầu quay trong bể lắng tròn dùng để loại bỏ bùn từ đáy bể lắng và chuyển động được nhờ có gắn motor. Cầu quay được làm bằng vật liệu Inox 304 và chạy bằng điện.



CẦU QUAY BỂ LẮNG 1 BÊN

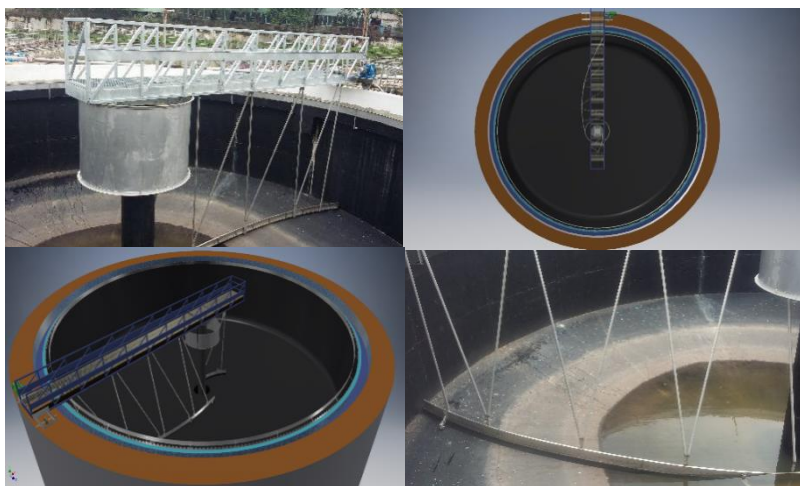


THÔNG SỐ KỸ THUẬT

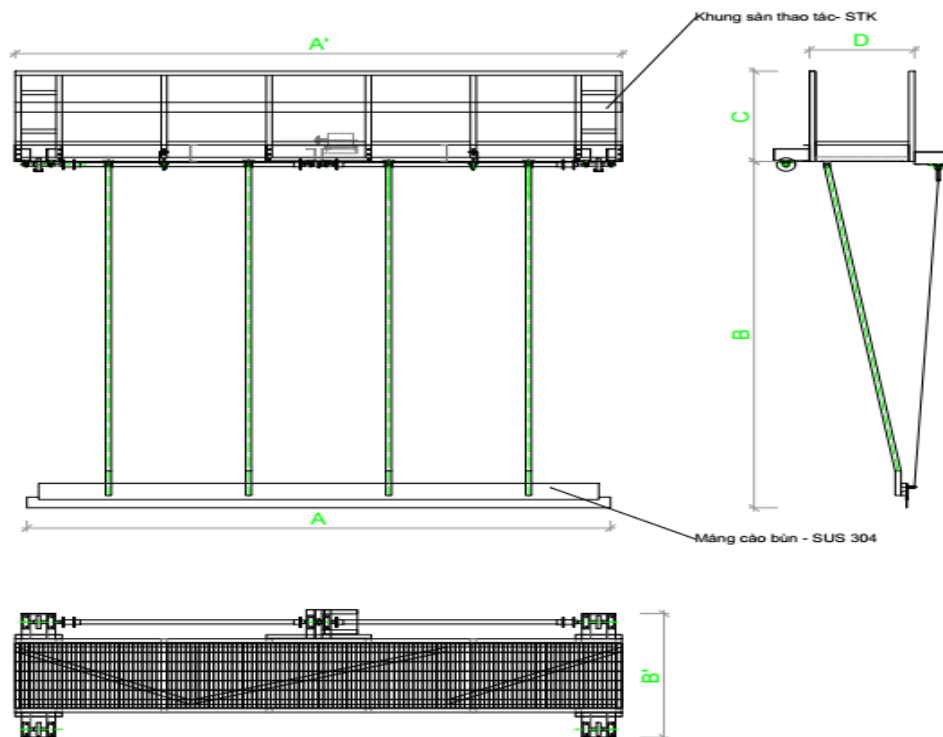
Model	Đường kính bể (m)	Tốc độ (m/min)	Motor (kW)	Chiều cao (m)	Độ dốc
QBXZC-16	16	1-2	0,37	3-4	1:10
QBXZC-20	20	1-2	0,55	3-4	1:10
QBXZC-24	24	1-2	0,75	3-4	1:10
QBXZC-30	30	1-2	0,75	3-4	1:10
QBXZC-35	35	1-2	0,75	3-4	1:10
QBXZC-40	40	1-2	1,1	3-4	1:10
QBXZC-45	45	1-2	1,5	3-4	1:10
QBXZC-50	50	1-2	1,5	3-4	1:10

MÔ TẢ:

Cầu quay trong bể lắng tròn dùng để loại bỏ bùn từ đáy bể lắng và chuyển động được nhờ có gắn motor. Cầu quay được làm bằng vật liệu Inox 304 và chạy bằng điện.



CÀN GẠT LẮNG NGANG

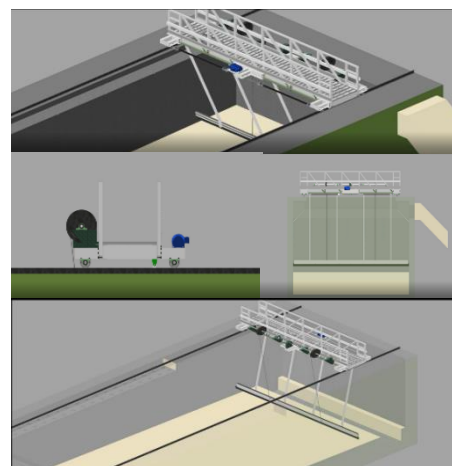


THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Kích thước (m)				
	Chiều rộng bể (m)	Chiều dài bể (m)	Chiều cao bể (m)	Động cơ tịnh tiến (kW)	Động cơ nâng cánh gạt (kW)
QBPVD 3	3	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,55	0,25
QBPVD 4	4	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,55	0,25
QBPVD 5	5	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,75	0,37
QBPVD 6	6	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,75	0,37
QBPVD 7	7	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,75	0,37
QBPVD 8	8	10 ~ 40	2,5 ~ 5	0,75	0,55
QBPVD 10	10	10 ~ 40	2,5 ~ 5	1,1	0,75
QBPVD 12	12	10 ~ 40	2,5 ~ 5	1,1	0,75
QBPVD 13	13	10 ~ 40	2,5 ~ 5	1,1	0,75

MÔ TẢ:

Càn gạt lắng ngang được sử dụng để loại bỏ bùn ở nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Thiết bị gồm một máng cào lắp gần sát đáy bể, ngoài ra càn gạt còn gắn bánh xe để di chuyển và được điều khiển bằng motor.



XÍCH GẠT LẮNG NGANG

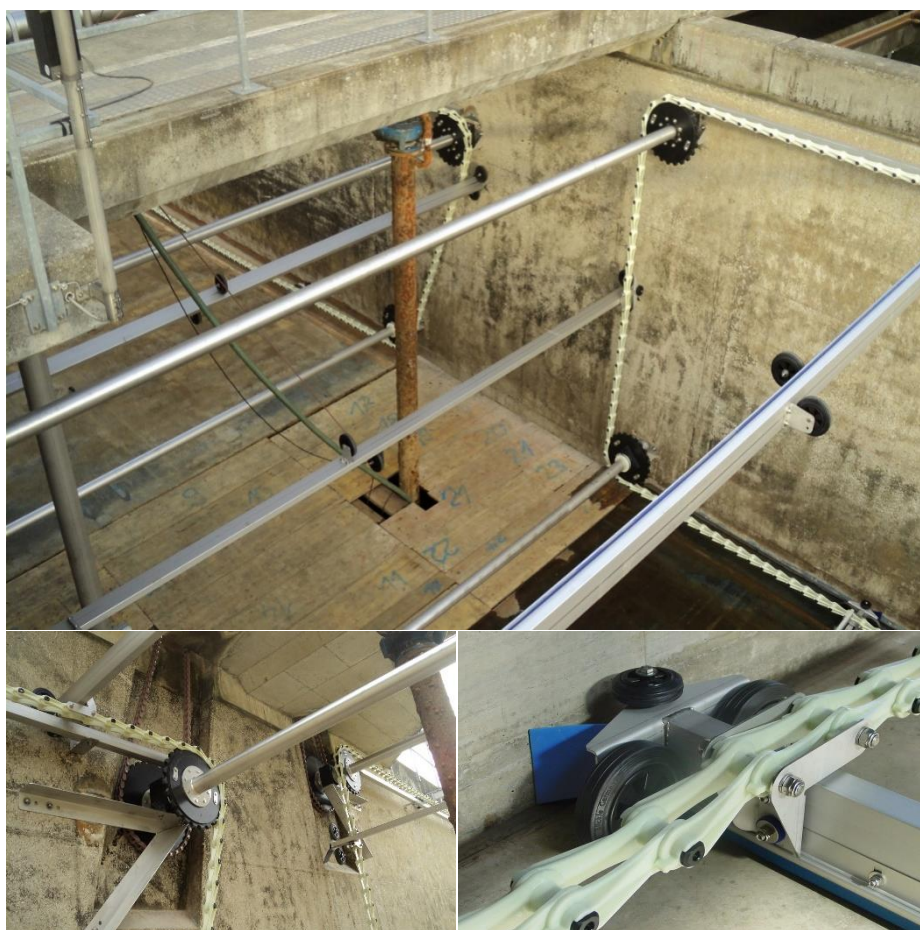
ỨNG DỤNG:

Xích gạt lắng ngang là một trong những sản phẩm loại bỏ bùn của Công ty Quốc Bảo đang nghiên cứu và sản xuất. Xích gạt được ứng dụng trong bể lắng 1 và bể lắng 2 trong xử lý nước cấp và nước thải, cụ thể:

- Bể lắng ngang;
- Bể lắng Lamén;
- DAF vuông.

ƯU ĐIỂM:

- Các xích được làm từ nhựa PE, là vật liệu nhẹ;
- Chống thấm nước, hơi nước tốt và chống ăn mòn;
- Tải về rulo, vòng bi được giảm thiểu do lực ma sát thấp;
- Chi phí đầu tư thấp, dòng đời dài, chi phí vận hành, bảo trì bảo dưỡng tiết kiệm.



CNC – viết tắt cho **C**omputerized **N**umerically **C**ontrolled tức là điều khiển bằng máy tính. Sự xuất hiện của máy CNC đã nhanh chóng thay đổi việc sản xuất vì các đường cong được thực hiện dễ dàng như đường thẳng, các cấu trúc phức tạp 3 chiều cũng dễ dàng thực hiện và một lượng lớn các thao tác do con người thực hiện được giảm thiểu.

Lý do nhiều doanh nghiệp, cơ sở chọn phương pháp cắt, khắc CNC trên kim loại vì những ưu điểm sau:

- So với các máy điều khiển công cụ bằng tay, sản phẩm từ máy CNC không phụ thuộc vào tay nghề người điều khiển mà phụ thuộc vào nội dung và chương trình được đưa vào máy. Người điều khiển chỉ việc theo dõi kiểm tra các chức năng hoạt động của máy;
- Độ chính xác cao, thông thường các máy CNC có độ chính xác máy là 0,001mm do đó có thể đạt được độ chính xác cao hơn so với các phương pháp gia công khác;
- Tốc độ cắt cao, nhờ cấu trúc cơ khí bền chắc của máy, những vật liệu cắt hiện đại như kim loại cứng đều cắt tốt hơn;
- Thời gian gia công ngắn.



ỨNG DỤNG:

Ngày nay, nhu cầu sử dụng máy CNC ngày càng tăng cao để thiết kế ra những món đồ đòi hỏi về thẩm mỹ, chính xác và độ tinh xảo cao, sau đây là một số ứng dụng của của gia công cắt CNC:

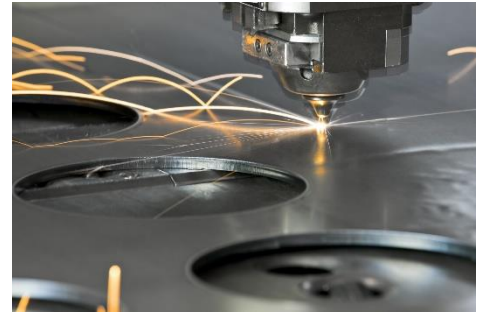
- Khắc họa tiết, hoa văn, hình ảnh 3D, bảng hiệu, quảng cáo;
- Khắc và cắt lên gỗ, lên các tấm bằng vật liệu mica, lên các mô hình;
- Khắc lên pha lê, thủy tinh, kiếng đá;
- Khắc, cắt vật liệu kim loại, gỗ.



CÁC ƯU ĐIỂM CỦA PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG CẮT LASER:

CẮT CNC

- Chùm tia Laser có nguồn nhiệt tập trung với mật độ nhiệt cao. Vì thế nó có thể cắt tất cả các loại vật liệu và hợp kim của nó;
- Rãnh cắt hẹp, sắc cạnh, độ chính xác cao. Có thể cắt theo đường thẳng hay đường cong bất kỳ. Mép cắt sạch đẹp, không cần các bước gia công phụ thêm. Quá trình cắt nhanh chóng;
- Đây là quá trình cắt không tiếp xúc, nó có thể cắt theo các hướng khác nhau. Có thể cắt vật liệu có từ tính và không từ tính;
- Khi cắt, không có các tác dụng cơ học nên tồn tại rất ít ảnh hưởng của biến dạng trong quá trình cắt và sau khi cắt. Vùng ảnh hưởng nhiệt nhỏ, biến dạng nhiệt ít. Có năng suất cao, có thể tăng năng suất khi sử dụng các máy có điều khiển bằng chương trình NC, CNC;
- Có thể cơ khí hoá và tự động hoá điều khiển quá trình cắt. Cắt vật liệu phi kim loại chiếm tỷ lệ khoảng 70 %. Ví dụ: như cắt vật liệu Ceramic, kính, vật liệu compôzit (đặc biệt là vải và các loại giấy) phần còn lại khoảng 30% là cắt kim loại. Thời gian gia công bằng chùm tia Laser khi tự động hoá có thể giảm từ 8 giờ xuống còn 4 phút;
- Không gây ồn, điều kiện lao động tốt. Ngoài ra điều kiện làm việc của công nhân được cải thiện rất nhiều do lượng bụi ít hơn so với các phương pháp gia công cơ khí;
- Chiều dày cắt hạn chế trong khoảng 10 – 25 mm (phụ thuộc vào công suất của nguồn Laser).



VÁCH NGĂN TRANG TRÍ

Ngoài gia công, cung cấp các thiết bị cơ khí trong lĩnh vực môi trường thì Công ty Quốc Bảo còn cung cấp **Vách ngăn trang trí bằng vật liệu inox - được cắt CNC**.

Vách ngăn CNC là những tấm vách được gia công từ inox tấm qua công đoạn cắt laser cnc chuyên nghiệp dựa trên những bản vẽ thiết kế có sẵn file theo yêu cầu của khách hàng. Những mẫu vách ngăn trang trí cnc này có tác dụng phân chia không gian trong căn nhà, văn phòng... tạo ra những không gian riêng nhưng không làm mất đi diện tích vốn có.

Làm vách ngăn bằng inox nó có thể thay thế cho những bức tường bí bách, chật chội. Thay vào đó là những vách ngăn cnc tạo cho không gian gia đình trở nên thoáng đãng, đẹp mắt. Ngoài ra, làm vách ngăn bằng inox không chỉ đẹp, giúp ích cho mỗi căn hộ, không gian văn phòng, nhà hàng, khách sạn, quán xá.... Mà những sản phẩm này còn có tuổi thọ lâu đời, không dễ phai hoặc đổi màu theo thời gian, uy trì tốt được độ bóng sáng.

Đặc biệt, chất liệu inox không chứa mầm bệnh, không độc hại, chúng cũng là loại không xốp có khả năng chống lại các loại vi khuẩn và mầm bệnh gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.



Trong những phương pháp chế tạo chi tiết các loại máy, cơ cấu, khí cụ, cũng như cho các sản phẩm khác, phương pháp cắt gọt được sử dụng rộng rãi nhất đó là phương pháp tiện, phay, bào, nguội, khoan, mài,...

Thực chất của phương pháp cắt gọt là tạo nên những bề mặt mới bằng cách làm biến dạng, sau đó bóc đi những lớp kim loại bề mặt để tạo ra thành phôi. Các chi tiết thường là trục xoay như trục, puli, bánh răng và các chi tiết khác, đều được gia công trên máy tiện, hình thức này gọi là gia công tiện.



Máy tiện là thiết bị chuyên được sử dụng để cắt kim loại, thường được dùng nhiều trong cơ khí, với nhiều chủng loại và kích thước khác nhau.

NGUYÊN LÝ LÀM VIỆC

Nguyên lý làm việc của máy tiện là dựa trên chuyển động quay tròn xung quanh tâm của phôi tạo ra tốc độ cắt. Chuyển động đạo tạo ra một chuyển động tịnh tiến để cắt, bao gồm phương pháp tiện chạy dao dọc (dọc theo hướng trục chi tiết) và chạy dao ngang (chạy theo hướng kính của chi tiết).

KHẢ NĂNG CÔNG NGHỆ TIỆN

Khả năng tạo hình: Tiện có thể gia công được nhiều loại bề mặt tròn xoay khác nhau như: tiện mặt ngoài, tiện lỗ, tiện mặt đầu, tiện cắt đứt, tiện ren ngoài, tiện ren trong, tiện công ngoài, tiện công trong, tiện định hình.

Khả năng đạt độ chính xác gia công khi tiện nhờ đội ngũ được đào tạo lành nghề, được cấp chứng chỉ từ những đơn vị uy tín trong cả nước.



CÔNG DỤNG:

Tủ điều khiển được dùng để điều khiển và bảo vệ động cơ, máy bơm.. có công suất lớn trong các nhà máy, xưởng sản xuất, các trạm bơm.



PHÂN LOẠI:

Có **nhều loại** tủ điều khiển khác nhau dựa vào các phương thức khởi động, điều khiển tùy thuộc vào loại động cơ và yêu cầu của khách hàng như là: khởi động sao tam giác, khởi động trực tiếp, khởi động mềm, khởi động cứng, khởi động bằng biến tần....

Quốc Bảo **chuyên sản xuất - phân phối - gia công** theo yêu cầu các loại vỏ tủ điện, tủ điện, tủ biến tần, máy ép bùn,... các loại tủ điều khiển sử dụng trong công trình xử lý nước, môi trường. Với tiêu chí:

- Giá thành cạnh tranh;
- Chất lượng tốt;
- Thẩm mỹ đẹp;
- Uy tín nhiều năm trong ngành.



NHẬN VẬN CHUYỂN

Với đội ngũ nhân viên được đào tạo lái xe và nâng cầu từ các trung tâm uy tín và có bằng chứng nhận. Công ty Quốc Bảo là một lựa chọn mà Quý khách hàng khi muốn vận chuyển hàng hóa nên cân nhắc





DỊCH VỤ CHO THUÊ MÁY ÉP Bùn DÀI HẠN

Máy ép bùn là bộ phận không thể thiếu trong dây chuyền xử lý nước thải. Nhiệm vụ chính của máy ép bùn là tách nước khỏi khối bùn lỏng, tạo điều kiện cho việc xử lý khối bùn độ ẩm thấp dễ dàng hơn và tốn ít chi phí hơn. Sử dụng máy ép bùn giúp tiết kiệm nhiều chi phí như hóa chất, nhân công, diện tích mặt bằng. Thiết bị này mang lại sự an toàn cao cho công nhân. Vì ít phải tiếp xúc với những chất thải độc hại. Đặc biệt, chất độc hại từ các nhà máy hóa chất, phân bón, thực phẩm, dược, xi mạ... Chỉ bỏ tiền đầu tư một lần và sử dụng được lâu dài.

Tầm quan trọng của máy ép bùn trong xử lý nước thải, cũng như nhu cầu cấp bách của thị trường, Quốc Bảo chúng tôi đã cố gắng sản xuất và đưa vào danh mục cung ứng thêm một dịch vụ: **CHO THUÊ MÁY ÉP Bùn DÀI HẠN.**



Ưu điểm khi sử dụng dịch vụ thuê máy ép bùn lâu dài:

- Không cần thế chấp tài sản
- Là giải pháp hàng đầu hỗ trợ giảm rủi ro lạm phát và giảm áp lực nguồn vốn.
- Là công cụ giúp doanh nghiệp tang vốn trung hạn và dài hạn nhanh chóng nhất để mở rộng kinh doanh.
- Thủ tục nhanh chóng, dễ dàng, minh bạch.
- Chế độ tư vấn, bảo trì bảo hành nhanh chóng.
- Ưu đãi về giá cả khi có nhu cầu mua sở hữu.

Công ty TNHH Cơ Khí và Môi Trường Quốc Bảo trân trọng kính gửi !